

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
KHOA KỸ THUẬT GIAO THÔNG



KỶ YẾU HỘI THẢO NÂNG CAO CLGD
HK1-NĂM HỌC 2016-2017

XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ SV
KHOA KTGT HỌC TẬP CÓ HIỆU QUẢ

KHÁNH HÒA, 10/10/2016

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO

	Trang
1. PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TỶ LỆ HỌC YẾU KÉM CAO BẤT THƯỜNG CỦA SINH VIÊN KHOA KỸ THUẬT GIAO THÔNG TRONG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 15-16	2
<i>Nguyễn Thái Vũ – Bộ môn Động lực</i>	
2. THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN SINH VIÊN NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY CÓ KẾT QUẢ HỌC TẬP KÉM	8
<i>Huyền Văn Vũ – Bộ môn Kỹ thuật tàu thủy</i>	
3. THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ CÓ KẾT QUẢ HỌC TẬP KÉM VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	13
<i>Phạm Tạo – Bộ môn Kỹ thuật Ô tô</i>	
4. BÁO CÁO ĐIỀU TRA HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SV 57 KHHH VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	19
<i>Hồ Đức Tuấn – Bộ môn Động lực</i>	
5. CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO – CẦN TẠO ĐỘNG LỰC VÀ TRUYỀN CẢM HỨNG CHO NGƯỜI HỌC	34
<i>Nguyễn Đình Long – Bộ môn Động lực</i>	
6. GIẢI PHÁP HỖ TRỢ SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT HỌC TẬP HIỆU QUẢ	38
<i>Phùng Minh Lộc – Bộ môn Động lực</i>	
7. GIẢI PHÁP HỖ TRỢ SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ HỌC TẬP CÓ HIỆU QUẢ	41
<i>Huyền Trọng Chương – Bộ môn Kỹ thuật Ô tô</i>	
8. GIẢI PHÁP TẠO ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CHO SINH VIÊN NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY THÔNG QUA CÂU LẠC BỘ TIN HỌC	44
<i>Huyền Lê Hồng Thái – Bộ môn Kỹ thuật tàu thủy</i>	
9. MONG MUỐN CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THEO THÁP NHU CẦU CỦA MASLOW, THÔNG QUA KHẢO SÁT SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	47
<i>Nguyễn Thanh Tuấn – Bộ môn Kỹ thuật Ô tô</i>	

PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TỶ LỆ HỌC YẾU KÉM CAO BẤT THƯỜNG CỦA SINH VIÊN KHOA KỸ THUẬT GIAO THÔNG TRONG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 1915-1916

Nguyễn Thái Vũ - Bộ môn Động lực

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kết quả học tập của sinh viên Khoa Kỹ thuật Giao thông Trong học kỳ 2 năm học 15-16 vừa qua được tổng kết như sau:

TT	LỚP	SLSV	SLSV GIỎI	SLSV KHÁ	SLSV TB	SLSV KÉM	PHẦN TRĂM				GHI CHÚ
							GIỎI	KHÁ	TB	KÉM	
1	55KTTT	48	0	4	16	28	0.0	8.3	33.3	58.3	
2	55CNOT	53	8	13	20	12	15.1	24.5	37.7	22.6	
3	55KHHH	23	3	6	6	8	13.0	26.1	26.1	34.8	
4	56KTTT	46	1	20	9	16	2.2	43.5	19.6	34.8	
5	56CNOT1	37	0	4	11	22	0.0	10.8	29.7	59.5	
6	56CNOT2	42	0	4	11	27	0.0	09.5	26.2	64.3	
7	56KHHH	19	2	5	4	8	10.5	26.3	21.1	42.1	
8	57KTTT1	37	1	6	7	23	2.7	16.2	18.9	62.2	
9	57KTTT2	37	1 xs	7	8	21	2.7	18.9	21.6	56.8	
10	57CNOT1	48	1	10	15	22	2.1	20.8	31.3	45.8	
11	57CNOT2	44	0	5	9	30	0.0	11.4	20.5	68.2	
12	57CĐOT	55	0	1	9	45	0.0	01.8	16.4	81.8	
13	57KHHH	38	1	3	6	28	2.6	07.9	15.8	73.7	
	TỔNG	527	18	88	131	290	3.4	16.7	24.9	55.0	

Ban chủ nhiệm khoa Khoa Kỹ thuật Giao thông nhận định tỷ lệ Sinh viên học yếu kém như vậy là cao bất thường và kêu gọi Giảng viên trong khoa điều tra, tìm nguyên nhân và phải khắc phục ngay.

Kết quả học tập của sinh viên được lượng hóa qua điểm số tự thân nó đã mang tính chất tương đối. Có thể nói Sinh viên được xếp loại học giỏi, khá, trung bình, yếu kém như trên là theo “Tiêu chuẩn chất lượng của ĐHNT” tại thời điểm này. Cho dù như thế nào đi chăng nữa thì không thể để tình trạng này (55% sinh viên toàn Khoa KTGT học kém) tiếp tục tái diễn mà phải có biện pháp chấn chỉnh khắc phục ngay.

Từ đây nảy sinh ra hai vấn đề chính cần được trao đổi và thống nhất:

- **Vấn đề thứ nhất:** Kết quả học tập của Sinh viên như trên có phản ảnh thực chất hay không? Dựa trên chuẩn đầu ra chung và kết quả học tập mong đợi cụ thể của từng học phần thì cần phải trao đổi thống nhất trong toàn Khoa về cách đánh giá.
- **Vấn đề thứ hai:** Nếu kết quả học tập của Sinh viên như trên là phản ảnh thực chất, thì cần phải trao đổi, phân tích những nguyên nhân làm cho Sinh viên có kết quả học yếu kém và thống nhất trong toàn Khoa các giải pháp chấn chỉnh khắc phục.

Tham luận này chỉ mang tính gợi ý và nêu ra một số quan điểm cá nhân về hai vấn đề trên.

2. NỘI DUNG

2.1 Đánh giá kết quả học tập là yếu tố quan trọng kích thích động cơ học tập của Sinh viên.

Trước tiên chúng ta cần thống nhất một số điểm cơ bản mang tính định hướng:

- Kiểm tra đánh giá là khâu then chốt cuối cùng của quá trình dạy học. Đây cũng là khâu quan trọng tác động lớn đến quá trình nâng cao chất lượng đào tạo. Việc kiểm tra đánh giá khách quan, nghiêm túc, đúng cách, đúng hướng sẽ kích thích mạnh mẽ động cơ học tập của Sinh viên, thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo không ngừng của Sinh viên.
- Hệ thống điểm số đánh giá khác nhau hiện nay không chỉ xảy ra ở cấp trường, cấp khoa, bộ môn, mà cả giữa các Giảng viên trong từng bộ môn.
- Phương pháp đánh giá sinh viên hiện nay trong Khoa KTGT đã thực sự động viên sinh viên phấn đấu vươn lên trong học tập hay chưa. Việc đánh giá sinh viên của mỗi giảng viên đã thực sự đồng nhất hay chưa hay là có môn thì quá chặt, có môn thì quá lỏng.
- Đánh giá quá trình học tập phải được thể hiện thông qua bảng điểm của sinh viên và hệ thống chuẩn mực dùng để xác định các điểm số đó. Điểm số tự thân nó cao hay thấp không phải là một vấn đề, mà vấn đề ở chỗ chất lượng của hệ thống xác định nó.

Hệ thống dùng để xác định các điểm số đó hiện nay như sau:

Chuẩn đầu ra là tuyên bố rộng và chung nhất của một trường đại học về những gì sinh viên của họ cần biết và có thể làm được khi ra trường. Chuẩn đầu ra được công bố cho toàn thể xã hội biết về tôn chỉ, mục đích giáo dục của nhà trường đó.

Mục tiêu hẹp hơn chuẩn đầu ra song vẫn đủ rộng cho một học phần, nó xác định những kỳ vọng chung đối với sinh viên và nó mang tính định hướng, không đo lường đánh giá và quan sát được.

Kết quả học tập mong đợi là cụ thể hóa mục tiêu của từng học phần cho một lớp học ứng với một đơn vị nội dung hay một chủ đề (1-2 chương) và ứng với một đơn vị thời gian (1-2 tuần).

Tiếp tục kết quả học tập mong đợi lại được chia nhỏ hơn để đánh giá theo 5 cấp độ tăng dần:

Nhớ (kn_{wl}dg); Hiểu (c_{mpr}h_{ns}); Vận dụng (l_{pl}c_t); Phân tích (n_s); **V**ì tổng hợp (s_{nth}s); **Đ**ánh giá (v_th)

Kết quả học tập của một học phần hiện nay được đánh giá theo thang điểm 10 với các điểm bộ phận như sau:

10% đánh giá tính chuyên cần/ thái độ của sinh viên (gộp vào kết quả kiểm tra giữa kỳ)

40% đánh giá kết quả kiểm tra giữa kì (có thể là nhiều lần kiểm tra với nhiều hình thức)

50% đánh giá kết quả thi cuối kì (với nhiều hình thức thi)

Tùy từng môn học có thể: dành bao nhiêu % cho đánh giá giữa kì, dành bao nhiêu % cho đánh giá kết thúc môn học... cho phù hợp nhằm đảm bảo tính chính xác, tính toàn diện và tính động viên kích thích động cơ học tập.

Theo quy định của trường ĐHNT:

+ Sinh viên phải được biết điểm kiểm tra trước khi thi kết thúc học phần.

+ Sau 5 ngày thi phải nộp bảng điểm.

+ Sinh viên phải được biết điểm thi ngay sau khi thi vấn đáp.

+ Đề thi viết phải có đáp án chi tiết.

Quan điểm cá nhân về phương pháp đánh giá kết quả học tập của Sinh viên:

Xuất phát từ tư tưởng của bản thân và những cơ sở chung đã nêu trên, tôi thường đánh giá kết quả học tập của Sinh viên ở một học phần như sau:

- Đánh giá SV dựa trên những kiến thức, phương pháp và huấn luyện kỹ năng mà mình đã nắm chắc và đã truyền đạt. Đánh giá theo 5 cấp độ và dựa trên kết quả học tập mong đợi.

+ Nếu phân nhóm thuyết trình, viết báo cáo hoặc thực hành thì điểm kiểm tra được cho từ dưới lên trên (dựa trên một thành viên yếu nhất trong nhóm) để cho SV có ý thức và thực hành kỹ năng làm việc nhóm.

+ Điểm chuyên cần/thái độ phải cụ thể hóa bằng việc SV đã đọc trước bài giảng, làm bài tập, trả lời phát vấn và trao đổi với giảng viên.

+ Riêng với đồ án môn học thì cần phải đánh giá “thực”

Đánh giá thực là một hình thức đánh giá trong đó người học được yêu cầu thực hiện những nhiệm vụ thực sự diễn ra trong cuộc sống

Đặc trưng của đánh giá thực là: [5]

Yêu cầu sinh viên phải kiến tạo 1 sản phẩm chứ không phải viết ra 1 câu trả lời đúng.

Đo lường cả quá trình và cả những kiến thức của những học phần trước đó.

Sinh viên phải biết trình bày 1 vấn đề thực từ đó cho phép sinh viên bộc lộ khả năng vận dụng kiến thức vào tình huống thực tế.

Cho phép sinh viên bộc lộ cả quá trình học tập và tư duy của họ thông qua việc thực hiện đồ án.

Ưu việt của đánh giá thực:

Đánh giá thực yêu cầu sinh viên thể hiện sự hiểu biết thông qua việc hoàn thành 1 nhiệm vụ

Đánh giá thực yêu cầu sinh viên trình diễn năng lực của họ trong 1 công việc cụ thể.

□ Đánh giá thực yêu cầu sinh viên phải phân tích, tổng hợp một cách có phê phán những kiến thức họ học được trong bối cảnh thực và trong quá trình đó họ sáng tạo ra ý tưởng mới.

- Trên tinh thần tôn trọng SV thì phải đánh giá làm sao cho Sinh viên thỏa mãn và nhất là phải kích thích được động cơ học tập:
 - + Luôn cố gắng đánh giá đúng và công bằng nhất có thể.
 - + Đề thi viết cũng như khi hỏi thi vấn đáp phải rõ ràng, mang tính sàng lọc và vừa sức
 - + Thông qua email gửi đáp án chi tiết cho SV và khi thi vấn đáp thì luôn luôn giải đáp cho SV (tuy không có quy định rõ ràng về việc gửi đáp án và giải đáp cho SV khi thi vấn đáp).
 - + Cho SV biết ngay kết quả thi vấn đáp và cố tạo điều kiện cho SV thi lần 2.

2.2 Phân tích những nguyên nhân Sinh viên học yếu kém và đề xuất giải pháp khắc phục.

Những nguyên nhân làm cho Sinh viên có kết quả học yếu kém có thể được phân ra:

- Nguyên nhân từ Sinh viên
- Nguyên nhân từ Giáo viên (Giảng viên và Giáo viên cố vấn)
- Nguyên nhân từ Nhà trường (Phòng, Ban, Khoa)
- Nguyên nhân từ Phụ huynh.
- Nguyên nhân từ Xã hội.

Nếu từ đây lại tiếp tục kể lể chi tiết hơn nữa thì những nguyên nhân sẽ trở nên hết sức vụn vặt, phức tạp và khi đó những giải pháp đề xuất sẽ không mang tính định hướng, thống nhất và khó nhớ. Theo Tôi tựu trung kết quả học tập của Sinh viên bị chi phối bởi một yếu tố duy nhất đó là “Động cơ học tập”. Việc phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp ở đây sẽ chỉ xoay quanh Động cơ học tập.

Có nhiều khái niệm về Động cơ hành động nói chung và Động cơ học tập nói riêng. Xin trích dẫn một vài khái niệm:

Theo tự điển Tiếng Việt: "*Động cơ là cái chi phối thúc đẩy người ta suy nghĩ và hành động*" [2]

Theo J.Piaget: "*Động cơ là tất cả các yếu tố thúc đẩy cá thể hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng cho hoạt động đó*" [3]

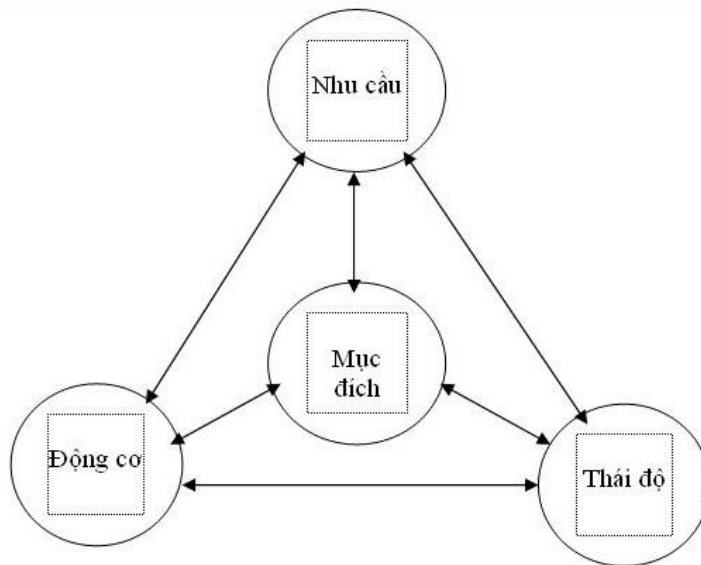
Nhu cầu: Là sự đòi hỏi tất yếu mà con người thấy cần phải thỏa mãn trong những điều kiện nhất định để tồn tại và phát triển.

Động cơ hoạt động là nguyên nhân trực tiếp của hành động, duy trì hứng thú, tạo ra sự chú ý liên tục, giúp chủ thể vượt qua mọi khó khăn đạt mục đích đã định. Động cơ hoạt động quyết định kết quả của hoạt động.

Hứng thú: Là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa trong cuộc sống, vừa đem lại cho cá nhân sự hấp dẫn về mặt tình cảm.

Với các khái niệm dẫn dắt như trên, ta có thể hiểu Động cơ học tập là những nhân tố (Tâm lý) định hướng thái độ, kích thích, thúc đẩy tính tích cực, hứng thú học tập của Sinh viên

nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ. Quan hệ giữa Động cơ, nhu cầu, thái độ, mục đích được trình bày ở sơ đồ sau [4]



Động cơ học tập không có sẵn hay tự phát, mà được hình thành dần dần trong quá trình học tập của học sinh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên. Nhu cầu giải quyết được mâu thuẫn “giữa một bên là “phải hiểu biết” và bên kia là “chưa hiểu biết” (hoặc hiểu biết chưa đủ, chưa đúng) là nguyên nhân chính yếu để hình thành động cơ học tập ở học sinh.

Động cơ học tập thường liên hệ mật thiết tới hứng thú của mỗi Sinh viên. Nhờ có hứng thú mà động cơ ngày càng mạnh mẽ.

Đến đây có thể sơ kết rằng Sinh viên có kết quả học tập yếu kém là do Động cơ học tập chưa được hình thành, nếu có thì chưa được mạnh mẽ hoặc bị nhiều yếu tố tác động kìm hãm. Như vậy chúng ta phải tập trung vào việc hình thành, kích thích Động cơ học tập. Loại bỏ những yếu tố gây tác động kìm hãm Động cơ học tập của Sinh viên.

Để giải quyết vấn đề chúng ta cần phân loại Động cơ học tập và từ đó đưa ra các giải pháp. Có nhiều loại động cơ học tập:

- Động cơ học tập đúng đắn và động cơ học tập không đúng đắn.
- Động cơ bên ngoài (động cơ xã hội) và động cơ bên trong (động cơ hoàn thiện tri thức)
 - + Động cơ bên ngoài (động cơ xã hội): Động cơ học tập của Sinh viên được hình thành và được kích thích bởi các yếu tố như: Đáp ứng mong đợi của cha mẹ, cần có bằng cấp vì lợi ích tương lai, lòng hiếu danh, sự khâm phục của bạn bè,... Tuy loại động cơ này có phần nào mang tính tiêu cực nhưng nó cũng góp phần vào việc kích thích, tạo hứng thú và nhu cầu cho người học. Động cơ này có thể bị kìm hãm hoặc được kích thích bởi các yếu tố:
 - Tính chất nghề nghiệp và việc làm ở ngoài xã hội (GV có thể tham gia tác động)
 - Nhà trường (Phòng, Ban, Khoa): Chương trình đào tạo, Phần mềm quản lý, hệ thống cố vấn học tập (GV có thể tham gia tác động)
 - + Động cơ bên trong (động cơ hoàn thiện tri thức): là mong muốn khao khát chiếm lĩnh, mở rộng tri thức, say mê với việc học tập,... Loại động cơ này giúp người học luôn nỗ lực ý chí, khắc phục trở ngại từ bên ngoài để đạt nguyện vọng bên trong. Nó giúp học

sinh duy trì hứng thú và ham muốn học hỏi, tìm tòi, vượt qua những trở ngại khó khăn để đạt được những mục tiêu trong học tập.

Loại động cơ này có thể bị kìm hãm hoặc được kích thích bởi chính các Giảng viên:

□ Giảng viên còn thiếu nghệ thuật giảng dạy, không gây hứng thú cho Sinh viên thích học môn mình. Cụ thể khi diễn giảng thì tốc độ giảng dạy kiến thức mới và luyện tập nhanh quá khiến cho học sinh yếu kém không theo kịp bài học và khi giảng dạy không thường xuyên nhấn mạnh các yếu tố:

- Mục tiêu của học phần, học học phần này có lợi ích gì.
- Kết quả học tập mong đợi, đơn giản hóa vấn đề và phương pháp đạt được.

□ Giảng viên còn thiếu nghệ thuật để SV mạnh dạn trực tiếp trao đổi với GV. Theo tôi đây là một trở ngại lớn nó do các nguyên nhân:

Thứ nhất, sự không tương đương về vị thế giữa hai bên giao tiếp. Thứ hai, kỹ năng giao tiếp của sinh viên còn hạn chế. Thứ ba, sinh viên chưa đủ tự tin vào bản thân (Sinh viên bị hổng kiến thức từ Phổ thông và từ các môn học cơ sở, cơ bản. Đây là một điều thực tế xuất phát từ đầu vào). Thứ tư, sự thiếu thân thiện trong giao tiếp của một số cán bộ, giảng viên.

Tôi muốn nhấn mạnh rằng Sinh viên ngày nay rất hạn chế về khả năng tự nghiên cứu, tự học, tự đọc sách không hiểu được nội dung đó nói lên điều gì mặc dù đã được Giảng viên hướng dẫn cụ thể về việc đọc bài giảng, đọc tài liệu tham khảo trước khi lên lớp. Điều tệ hại nhất và cũng là trở ngại lớn nhất của Giảng viên là khi lên lớp Sinh viên không hiểu vẫn không chịu hỏi Giảng viên.

□ Giảng viên đánh giá còn thiếu công bằng và làm cho Sinh viên không thỏa mãn.

3. KẾT LUẬN

Hình thành động cơ học tập và kích thích động cơ học tập tạo hứng thú cho Sinh viên là yếu tố quan trọng hàng đầu trong về việc nâng cao chất lượng đào tạo và làm giảm tỷ lệ Sinh viên học

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thị Kim Oanh. Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập. Tạp chí Khoa học ĐHSP TP HCM.
2. Từ điển Tiếng Việt (1994), Nxb Khoa học xã hội. Trung tâm từ điển tiếng Việt, Hà Nội.
3. Lê Văn Hồng-Lê Ngọc Lan-Nguyễn Văn Thành (2001). Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Phạm Văn Khanh. Động cơ học tập của học sinh và trách nhiệm của giáo viên dưới góc nhìn giáo dục trung học. Sở Giáo dục và đào tạo Tiền Giang.
5. Nguyễn Đức Chính. Đánh giá thực kết quả học tập trong giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực. Đại học Quốc gia Hà Nội.

THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN SINH VIÊN NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY CÓ KẾT QUẢ HỌC TẬP KÉM

Huỳnh Văn Vũ - BM Kỹ thuật tàu thủy

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

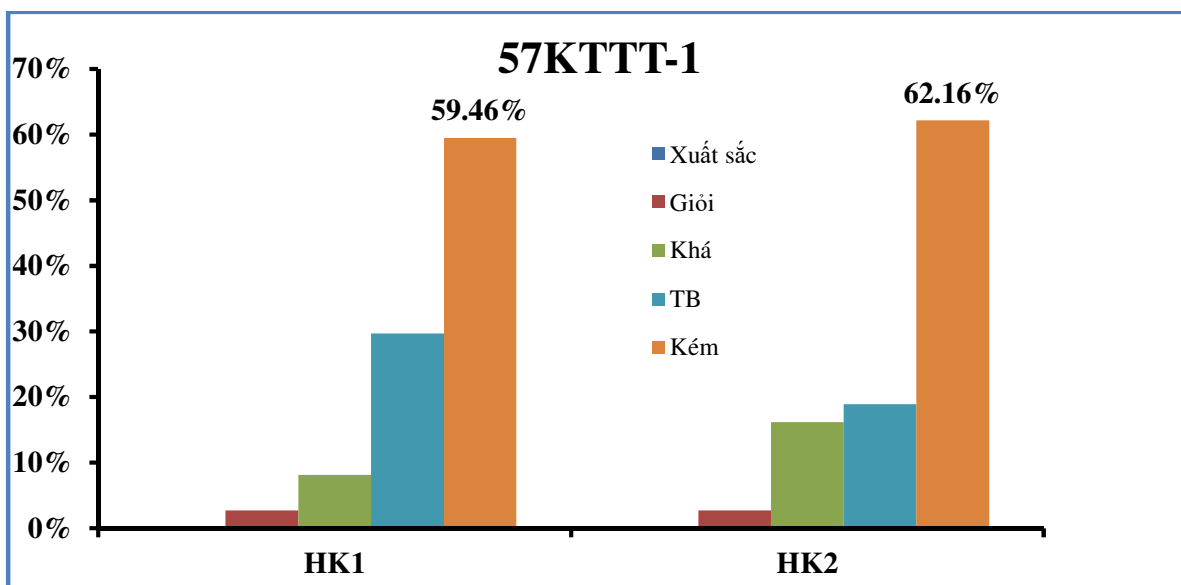
Theo báo cáo của các thầy CVHT và qua nắm bắt tình hình sinh viên, Bộ môn KTTT nhận thấy số lượng sinh viên có kết quả học tập kém chiếm số lượng khá lớn, hầu hết trên 50%, trong năm học 2015-2016 và diễn ra ở hầu hết các lớp. Nhằm tìm kiếm nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để giúp sinh viên có thể cải thiện được kết quả học tập, Bộ môn KTTT tiến hành thống kê kết quả học tập của các học phần, của các lớp, gặp gỡ sinh viên để tìm hiểu nguyên nhân, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và đề xuất các giải pháp. Các kết quả được thể hiện qua báo cáo trong hội thảo của Khoa KTGT về chủ đề “*Xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ sinh viên khoa KTGT học tập có hiệu quả*”.

2. THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SV NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY

Kết quả học tập của các lớp thuộc ngành Kỹ thuật tàu thủy qua số liệu thống kê như sau:

2.1. Đối với lớp 57KTTT-1

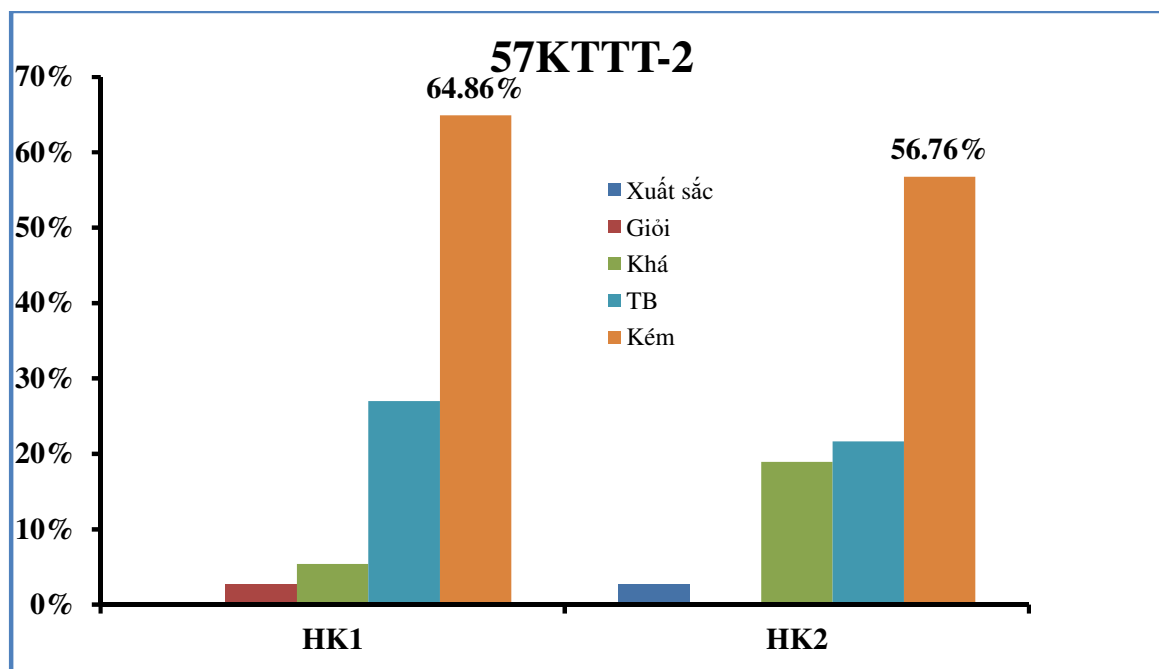
Xếp loại	HK1		HK2	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%
Giỏi	1	2.70%	1	2.70%
Khá	3	8.11%	6	16.22%
TB	11	29.73%	7	18.92%
Kém	22	59.46%	23	62.16%
Tổng	37	100%	37	100%



Môn học sinh viên không đạt nhiều nhất ở HK1 là Vật lý đại cương, ở HK2 là Hóa đại cương

2.2. Đối với lớp 57KTTT-2

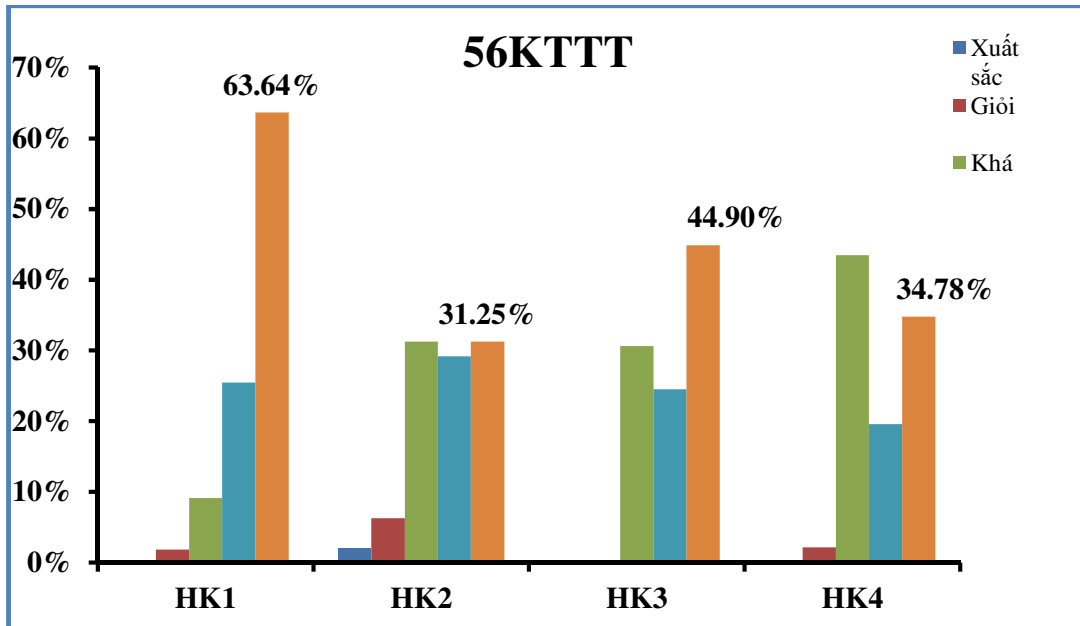
Xếp loại	HK1		HK2	
	Xuất sắc	0	0.00%	1
Giỏi	1	2.70%	0	0.00%
Khá	2	5.41%	7	18.92%
TB	10	27.03%	8	21.62%
Kém	24	64.86%	21	56.76%
Tổng	37	100%	37	100%



Môn học sinh viên không đạt nhiều nhất ở HK1 là Vật lý đại cương, ở HK2 là Hóa đại cương.

2.3. Đối với lớp 56KTTT

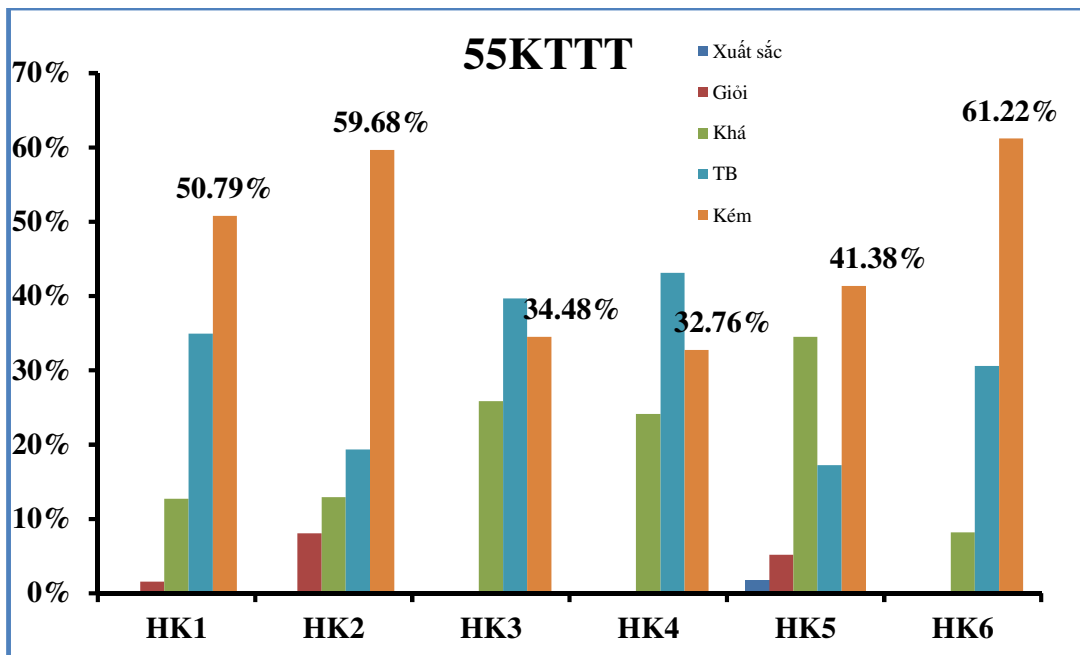
Xếp loại	HK1		HK2		HK3		HK4	
	Xuất sắc	0	0.00%	1	2.08%	0	0.00%	0
Giỏi	1	1.82%	3	6.25%	0	0.00%	1	2.17%
Khá	5	9.09%	15	31.25%	15	30.61%	20	43.48%
TB	14	25.45%	14	29.17%	12	24.49%	9	19.57%
Kém	35	63.64%	15	31.25%	22	44.90%	16	34.78%
Tổng	55	100%	48	100%	49	100%	46	100%



Môn học sinh viên không đạt nhiều nhất ở HK1 là Đại số.

2.4. Đối với lớp 55KTTT

Xếp loại	HK1		HK2		HK3		HK4		HK5		HK6	
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	1	1.72%	0	0.00%
Giỏi	1	1.59%	5	8.06%	0	0.00%	0	0.00%	3	5.17%	0	0.00%
Khá	8	12.70%	8	12.90%	15	25.86%	14	24.14%	20	34.48%	4	8.16%
TB	22	34.92%	12	19.35%	23	39.66%	25	43.10%	10	17.24%	15	30.61%
Kém	32	50.79%	37	59.68%	20	34.48%	19	32.76%	24	41.38%	30	61.22%
Tổng	63	100%	62	100%	58	100%	58	100%	58	100%	49	100%



Môn học sinh viên không đạt nhiều nhất ở HK6 là ĐAMH Thiết bị năng lượng, Thiết bị năng lượng và Động cơ đốt trong.

3. NGUYÊN NHÂN CỦA TÌNH TRẠNG HỌC KÉM HIỆN NAY CỦA SINH VIÊN NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY

Qua gặp mặt sinh viên các lớp và thống kê qua phiếu khảo sát, chúng tôi nhận được những nguyên nhân đạt kết quả học tập kém như sau:

- Dạy bằng máy chiếu, PP giảng dạy khó tiếp thu, không hứng thú.
- Thầy dạy quá nhanh, khó hiểu.
- GV chỉ quan tâm đến lý thuyết, ít quan tâm đến bài tập, khi ra đề thi thì toàn bài tập.
- GV không điểm danh, làm sv ỷ lại không đi học.
- Chưa biết cách học hợp lý, chưa làm quen với cách học đại học.
- Tâm lý không ổn định.
- Không tập trung việc học, không học bài, không làm bài ở nhà.
- Hay nghỉ học những môn không hiểu, nghỉ học nhiều.
- Không thi lại.
- Thi đạt học phần nhưng điểm thấp, kết hợp nợ 1-2 học phần khác.

4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Qua số liệu thống kê kết quả học tập của các lớp, có thể nhận thấy một số vấn đề sau:

- Tỷ lệ học tập kém đều tập trung vào năm học đầu tiên (ở HK1 hoặc HK2), cá biệt có lớp 55KTTT tập trung vào HK6.
- Tỷ lệ SV kém lớn hơn nhiều so với xếp loại khác, nhưng nhìn chung qua các học kỳ thì kết quả có được cải thiện, như tăng tỷ lệ khá và trung bình, giảm tỷ lệ kém nhưng không đáng kể.
- Có một số sinh viên không tham gia học tập (điểm 0.00) nhưng vẫn được tính vào thống kê chung làm cho tỷ lệ đánh giá kết quả học tập của sinh viên không đúng với thực tế.

Để góp phần giúp sinh viên học tốt hơn, Bộ môn KTTT đề xuất một số giải pháp sau:

1. Bộ môn tiếp cận ngay với sinh viên từ HK1 để giúp các em có phương pháp học hiệu quả, đồng thời tạo các em có hứng thú với nghề nghiệp đã chọn. Điều này đã được áp dụng cho khóa 58 qua học phần Nhập môn KTTT ở HK1.
2. Bố trí phân kỳ để cho những môn học ở khối giáo dục chuyên nghiệp được giảng dạy ngay từ học kỳ đầu tiên, giúp các em được tiếp cận dần với mục tiêu ngành học đã lựa chọn, tránh tình trạng trong năm đầu tiên không biết học ngành này là gì. Điều này đã được thay đổi trong chương trình đào tạo năm 2016.
3. Tăng cường hơn nữa vai trò của CVHT, bằng nhiều kênh tiếp xúc để kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ các em sinh viên trong học tập, trao đổi bài học, ... trong khi các em còn nhiều bỡ ngỡ, ngại trao đổi với giáo viên.

4. Rà soát ĐCHP và công khai trên trang web cũng như buổi học đầu tiên, cố gắng thực hiện đúng cam kết trong ĐCHP.
5. Giảng viên công bố các tiêu chí để học tốt học phần đang giảng dạy để sinh viên lựa chọn phương pháp học tập phù hợp. Đối với học phần có bài tập lớn, học phần ĐAMH cần có tài liệu hướng dẫn, bài tập mẫu để sinh viên tham khảo. BM KTTT đang triển khai kế hoạch viết tài liệu hướng dẫn hệ thống bài tập xuyên suốt cho các học phần có bài tập lớn và ĐAMH.
6. Đối với những học phần thi vấn đáp, giảng viên công bố tiêu chí hỏi thi, mời nhiều cán bộ cùng tham gia để thời gian thi được rút ngắn và mức độ đánh giá chênh lệch giữa các giảng viên giảm đi.
7. Giảng viên tăng cường vai trò giảng dạy, hướng dẫn, dìu dắt, nâng đỡ để các em có cơ hội thể hiện kiến thức và qua đó bù đắp phần nào những kiến thức còn thiếu.
8. Tạo những sân chơi chuyên môn ngoài giờ học để tăng cường tình đoàn kết, mối quan hệ gắn bó giữa thầy và trò, giữa kiến thức giảng dạy trên lớp và những định hướng công việc cụ thể trong cuộc sống, ...
9. Đối với sinh viên lớp 55TT, các học phần có số lượng sinh viên không đạt nhiều cần hỗ trợ để được học lại trong HK1 năm học 2016-2017 để đảm bảo các em đủ điều kiện được xét tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảng điểm các học phần các lớp 55TT, 56KTTT, 57KTTT-1, 57KTTT-2.
2. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy, năm 2013.
3. Phiếu lấy ý kiến sinh viên về nguyên nhân vì sao đạt kết quả học tập kém trong năm học 2015-2016.

THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN SINH VIÊN NGÀNH CN KỸ THUẬT Ô TÔ CÓ KẾT QUẢ HỌC TẬP KÉM VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

Phạm Tạo - Bộ môn CN Kỹ thuật ô tô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dựa theo kết quả học tập, rèn luyện của các lớp thuộc bộ môn Kỹ thuật ô tô quản lý, nhận thấy số lượng sinh viên có kết quả học tập kém chiếm số lượng khá lớn (trên 50%). Tỷ lệ sinh viên kém cao nhất trong hai năm học đầu và diễn ra ở hầu hết các khóa. Nhằm tìm kiếm nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để giúp sinh viên có thể cải thiện được kết quả học tập, Bộ môn KTOT tiến hành thống kê kết quả học tập của các lớp, gặp gỡ sinh viên để tìm hiểu nguyên nhân, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các kết quả được thể hiện qua báo cáo trong hội thảo của Khoa KTGTT về chủ đề: “*Thực trạng và nguyên nhân sinh viên ngành kỹ thuật ô tô có kết quả học tập kém*”.

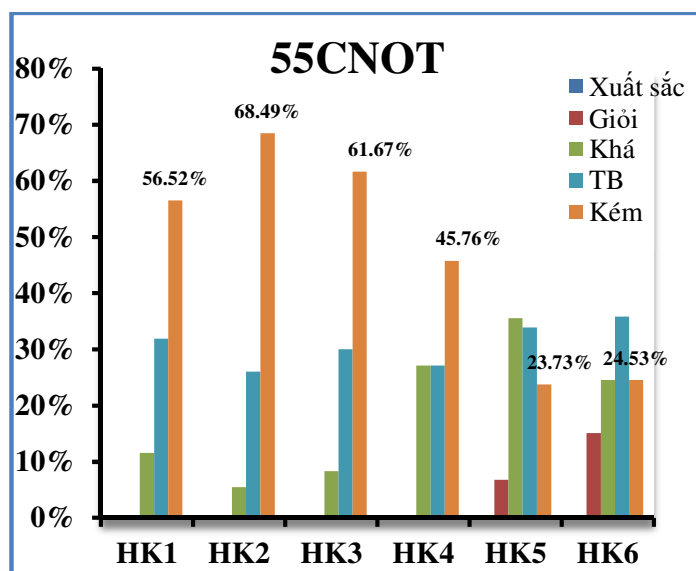
2. KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SV CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Kết quả học tập của các lớp thuộc ngành Kỹ thuật ô tô qua số liệu thống kê như sau:

2.1. Lớp 55CNOT

NĂM HỌC	2013-2014				2014-2015				2015-2016			
HỌC KỲ	HK1		HK2		HK3		HK4		HK5		HK6	
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	4	6.78%	8	15.09%
Khá	8	11.59%	4	5.48%	5	8.33%	16	27.12%	20	35.59%	13	24.53%
TB	22	31.88%	19	26.03%	18	30.00%	16	27.12%	14	33.90%	19	35.85%
Kém	39	56.52%	50	68.49%	37	61.67%	27	45.76%	21	23.73%	13	24.53%
Tổng	69	100%	73	100%	60	100%	59	100%	59	100%	53	100%

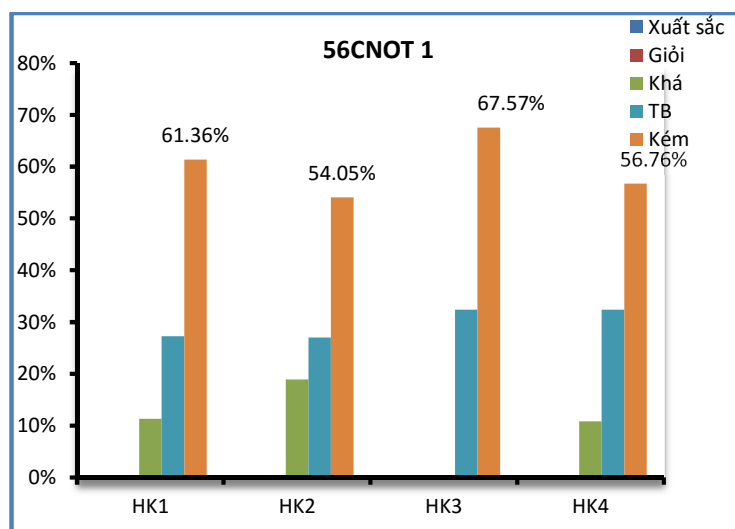
Đồ thị biểu diễn:



2.2. Lớp 56CNOT-1

NĂM HỌC	2014-2015				2015-2016			
	HK1		HK2		HK3		HK4	
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khá	5	11.36%	7	18.92%	0	0.00%	4	10.81%
TB	12	27.27%	10	27.03%	12	32.43%	12	32.43%
Kém	27	61.36%	20	54.05%	25	67.57%	21	56.76%
Tổng	44	100%	37	100%	37	100%	37	100%

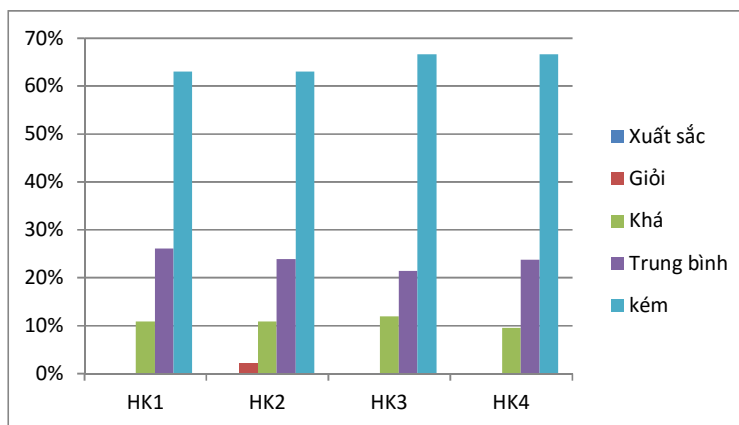
Đồ thị biểu diễn



2.3. Đối với lớp 56CNOT-2

NĂM HỌC	2014-2015				2015-2016			
	HK1		HK2		HK3		HK4	
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	1	2.17%	0	0.00%	0	0.00%
Khá	5	10.87%	5	10.87%	5	11.90%	4	9.52%
TB	12	26.09%	11	23.91%	9	21.43%	10	23.81%
Kém	29	63.04%	29	63.04%	28	66.67%	28	66.67%
Tổng	46	100.00%	46	100.00%	42	100.00%	42	100.00%

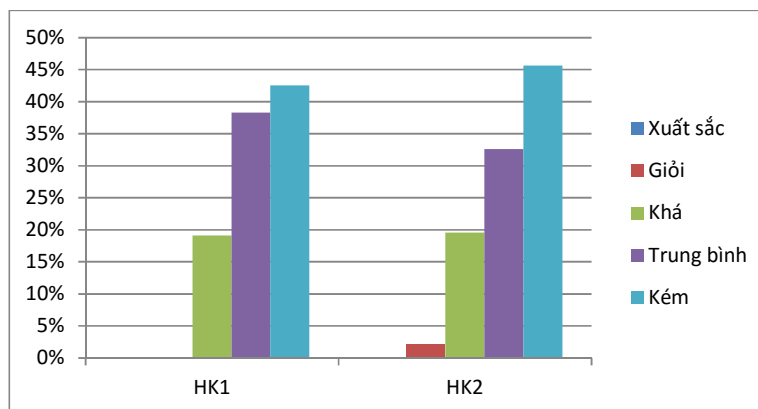
Đồ thị biểu diễn



2.4. lớp 57CNOT-1

NĂM HỌC	2015-2016			
	HK1		HK2	
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	1	2.17%
Khá	9	19.15%	9	19.57%
TB	18	38.30%	15	32.61%
Kém	20	42.55%	21	45.65%
Tổng	47	100%	46	100%

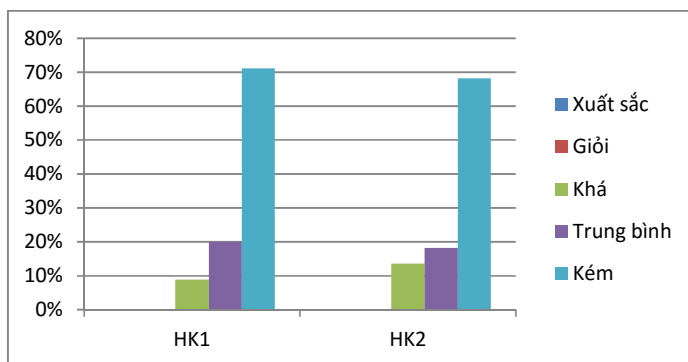
Đồ thị biểu diễn



2.2.5. Lớp 57CNOT-2

NĂM HỌC	2015-2016			
	HK1		HK2	
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	0	0.00%
Khá	4	8.89%	6	13.64%
TB	9	20.00%	8	18.18%
Kém	32	71.11%	30	68.18%
Tổng	45	100%	44	100%

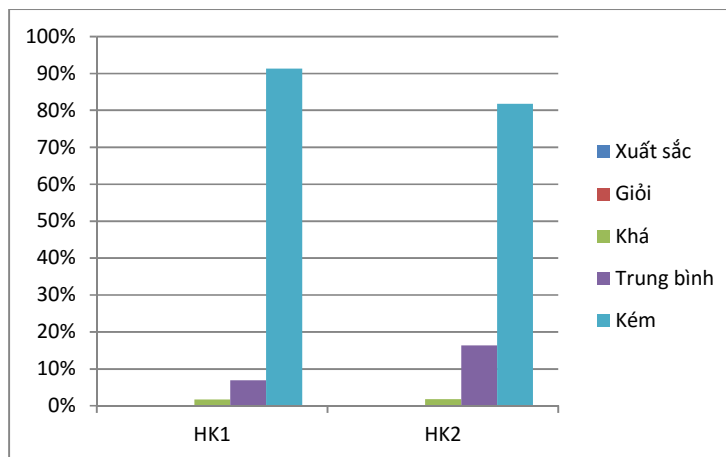
Đồ thị biểu diễn



2. 6. Lớp 57C.CNOT

NĂM HỌC	2015-2016			
HỌC KỲ	HK1		HK2	
Xuất sắc	0	0.00%	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	0	0.00%
Khá	1	1.72%	1	1.82%
TB	4	6.90%	9	16.36%
Kém	53	91.38%	45	81.82%
Tổng	58	100%	55	100%

Đồ thị biểu diễn



Qua số liệu thống kê kết quả học tập của các lớp, có thể nhận thấy:

- Tỷ lệ học tập kém đều tập trung vào năm học đầu tiên (ở HK1 hoặc HK2).
- Tỷ lệ sinh viên kém lớn chiếm đa số. Tuy nhiên, kết quả học tập được cải thiện qua các học kỳ, nhất là khi sinh viên bước vào các học kỳ chuyên ngành: Tỷ lệ giỏi, khá và trung bình, tăng; tỷ lệ sinh viên kém giảm.
- Việc không gạch tên khỏi danh sách những sinh viên đã bỏ học cũng là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ sinh viên kém cao, làm cho tỷ lệ đánh giá kết quả học tập của sinh viên không đúng với thực tế.

3. NGUYÊN NHÂN CỦA TÌNH TRẠNG HỌC KÉM

Qua gặp mặt sinh viên các lớp và thảo luận, chúng tôi nhận được những nguyên nhân đạt kết quả học tập kém như sau:

- Một số môn học đại cương như: Đại số, Giải tích, Vật lý, Hóa học, Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin,... có số sinh viên đạt thấp.

- Thứ tự sắp xếp các môn học chưa thật hợp lý, ví dụ: Môn Kỹ thủy khí dạy yêu cầu phải đọc bản vẽ trong khi chưa được học các môn liên quan đến bản vẽ hay đọc bản vẽ trước đó.

- Phân chia lớp có trình độ không đồng đều: Không có thủ lĩnh trong việc họp nhóm, thảo luận,...(57CNOT-1 và 57CNOT-2).

- Các phòng ban chức năng chưa xóa tên các sinh viên đã bỏ học làm tỉ lệ yếu kém tăng (Hơn 10 sinh viên lớp 57C.CNOT đã bỏ học nhưng vẫn có tên trong danh sách).

- Ban cán sự lớp, CVHT chưa phát huy hết vai trò của mình.

- Phương pháp học tập không đúng, ý thức tự giác chưa tốt, nhiều cám dỗ: quán nét, game,...

- Hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải đi làm thêm nên không có thời gian học bài.

- Học lý thuyết quá nhiều, không có thiết bị thực hành, thực tế sinh ra chán nản.

- CBGD của một số môn học nhiệt tình nhưng truyền đạt không tốt, việc diễn giải không ăn nhập với tài liệu tham khảo, chưa theo chủ đề gây thể hiểu.

- Thứ tự sắp xếp các môn học chưa thật hợp lý, ví dụ: Môn Kỹ thủy khí dạy yêu cầu phải đọc bản vẽ trong khi chưa được học các môn liên quan đến bản vẽ hay đọc bản vẽ trước đó.

- Không có sự tiếp cận ban đầu để hiểu rõ về ngành nghề.

- Phân chia lớp có trình độ không đồng đều: Không có thủ lĩnh trong việc họp nhóm, thảo luận,...(57CNOT)

- Sinh viên bỏ giờ, không tham gia học tập trên lớp, có cảm giác chán nản, không tự giác học tập tại nhà.

- Các phòng ban chức năng chưa xóa tên các sinh viên đã bỏ học làm tỉ lệ yếu kém tăng (Hơn 10 sinh viên lớp 57C.CNOT đã bỏ học nhưng vẫn có tên trong danh sách).

- Ban cán sự, CVHT chưa phát huy hết vai trò của mình.

4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

4.1. Về phía sinh viên

- Tăng cường việc tự học: Tổ chức học nhóm, thành lập các nhóm tư vấn các môn học (người đứng đầu có chuyên môn, khả năng tiếp thu môn học đó tốt nhất trong lớp) để tư vấn, giải đáp phần nào thắc mắc, nội dung các bài học khó cho các bạn trong lớp.

- **Ban cán sự lớp:** Cần có biện pháp tăng cường điểm danh, đốc thúc các bạn trong lớp đi học đều, chánh việc bỏ giờ rồi dần trở thành thói quen.

- **Những môn học khó hiểu:** Nếu do lỗi ở sinh viên thì cần tăng thời gian học tập, trao đổi với bạn bè, CBGD; Nếu do cách truyền đạt chưa phù hợp của CBGD thì cần mạnh dạn

phản hồi với CBGD, Bộ môn, Khoa để kịp thời khắc phục, điều chỉnh. Tránh tình trạng im lặng rồi gây ra cảm giác chán nản, không muốn tiếp tục học môn học đó và thậm chí bỏ thi.

4.2. Về phía Bộ môn, Khoa, Nhà trường

- Bộ môn tiếp cận ngay với sinh viên từ học kỳ đầu tiên để giúp các em có phương pháp học hiệu quả, đồng thời giúp sinh viên xác định mục tiêu và hứng thú với nghề nghiệp đã chọn bằng các phần nhập môn của các chuyên ngành.

- Bố trí các môn học chuyên ngành ngay từ những học kỳ đầu, giúp sinh viên được tiếp cận dần với mục tiêu ngành học đã lựa chọn, tránh tình trạng mơ hồ, suy nghĩ mong lung, không xác định rõ ràng mình được học những gì và như thế nào với ngành học đã chọn.

- Tăng cường hơn nữa vai trò của ban cán sự lớp, CVHT, kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ các em sinh viên trong học tập, đời sống,... thông qua các buổi sinh hoạt lớp.

- Công khai ĐCHP và hướng dẫn cho sinh viên cách tìm, đọc ĐCHP để sinh viên có thể so sánh, đối chiếu các nội dung được học với những cam kết, mục tiêu trong ĐCHP.

- CBGD cần cung cấp đủ tài liệu, giáo trình, bài giảng phù hợp với môn học, tránh tình trạng việc giảng dạy các nội dung không liên quan, gây khó hiểu. Đối với học phần có bài tập lớn, học phần ĐAMH cần có tài liệu hướng dẫn, bài tập mẫu để sinh viên tham khảo

- Đối với những học phần thi vấn đáp, giảng viên công bố tiêu chí hỏi thi, mời nhiều cán bộ cùng tham gia để thời gian thi được rút ngắn và mức độ đánh giá chênh lệch giữa các giảng viên giảm đi.

- CVHT kịp thời liên lạc với gia đình của những sinh viên có biểu hiện nghỉ học nhiều hay bỏ học để tìm hiểu nguyên nhân, động viên, đề xuất biện pháp tháo gỡ những khó khăn mà sinh viên gặp phải.

- Đối với những lớp có nền tảng kiến thức yếu: CBGD cần tăng cường hướng dẫn, nâng đỡ thông qua các kênh liên lạc: Email, tiếp sinh viên trên văn phòng, trang web cá nhân,.. để bù đắp phần nào những kiến thức còn thiếu.

- Tổ chức các cuộc thi chuyên môn, các câu lạc bộ chuyên ngành nhằm tăng cường tình đoàn kết, mối quan hệ gắn bó giữa thầy và trò, tăng cường trao đổi, củng cố kiến thức đã học,...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên năm cuối được đăng ký các môn học có số lượng sinh viên rớt quá nhiều ngay trong HK1 của năm học cuối giúp sinh viên đủ điều kiện được xét tốt nghiệp đúng hạn.

- Cập nhật số lượng sinh viên bỏ học hàng năm (điểm tổng kết bằng 0) để kịp thời gạch tên để không làm ảnh hưởng đến tỉ lệ kém của các lớp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảng điểm các học phần các lớp 55CNOT, 56CNOT-1, 56CNOT2, 57CNOT-1, 57CNOT-2, 57C.CNOT.

2. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật ô tô năm 2012.

3. Biên bản họp lớp các lớp chuyên ngành CNKTOT về nguyên nhân vì sao đạt kết quả học tập kém.

BÁO CÁO ĐIỀU TRA HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN 57KHHH VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN

Hồ Đức Tuấn – BM Động Lực

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi xã hội ngày càng phát triển, yêu cầu đối với mỗi cá nhân ngày càng cao. Vai trò của giáo dục & đào tạo nói chung và đào tạo đại học nói riêng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực có trình độ đại học cho đất nước, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam đã gia nhập hầu hết các hiệp định tự do thương mại với các tổ chức và các nền thương mại chủ yếu của Thế giới và phấn đấu trở thành đất nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để có thể nắm bắt toàn diện những kiến thức chuyên môn ở bậc đại học đòi hỏi mỗi sinh viên phải có nhiều nỗ lực trong hoạt động học tập, đặc biệt phải giành thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu. Vấn đề tự học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức môn học cũng như phát huy năng lực của bản thân trên cơ sở chính là sự hướng dẫn của giảng viên.

Việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên là hoạt động vô cùng cần thiết, mặc dù đã làm quen với hình thức tín chỉ, nhưng sinh viên vẫn gặp một số khó khăn do chưa thực sự tìm ra phương pháp học tập hiệu quả nhất khi học theo hình thức này. Sinh viên vẫn còn rất nhiều vướng mắc, khó khăn khi học tập, chưa thực sự dành nhiều thời gian cho việc tự học, chưa xây dựng và rèn luyện kỹ năng tự học hợp lý đặc biệt là các em sinh viên năm nhất của môi trường đại học. Do vậy, việc điều tra khảo sát hoạt động học tập của các em sinh viên năm nhất và đề xuất các biện pháp phát huy tính tích cực của SV khi học theo phương thức tín chỉ ngay từ những năm đầu là vấn đề cần được quan tâm.

2. HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

2.1. Khái niệm “tự học”

Thực chất tự học là một quá trình học tập, một quá trình nhận thức không trực tiếp có thầy giáo, đó là một quá trình “lao động khoa học” vất vả hơn nhiều so với có thầy giáo hướng dẫn. Có thể nói quá trình tự học của sinh viên là một quá trình tự nỗ lực, quyết tâm, tích cực để đạt được mục tiêu học tập. Nếu thiếu sự nỗ lực thì sinh viên không thể đạt kết quả tốt, đây cũng chính là điều kiện để sinh viên nâng cao chất lượng học tập của bản thân và các trường đại học nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Một số đặc điểm của việc tự học và việc tự học của sinh viên

a) Vai trò của việc tự học

Ở trung học phổ thông, học sinh chỉ cần vững kiến thức thầy cô dạy trên lớp và làm bài tập được giao, giáo viên liên tục có những bài kiểm tra, đánh giá dành cho học sinh. Tuy nhiên khi học lên đại học thì yêu cầu hoạt động học tập của sinh viên đã khác hẳn, trong đó tự học là phương pháp, cách thức cơ bản mà sinh viên phải thực hiện

thường xuyên. Đối với sinh viên đại học, học có phương pháp là vô cùng quan trọng. Giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, cung cấp tài liệu, hướng dẫn đề tài, sinh viên phải tự biết cách sắp xếp thời gian và trình tự nghiên cứu những kiến thức cơ bản và mở rộng tìm hiểu những vấn đề liên quan. Thêm vào đó, không còn sự giám sát gắt gao của giáo viên, sinh viên phải tự nỗ lực để có thể đạt hiệu quả cao trong kì thi kết thúc môn học.

Tự học giúp sinh viên nâng cao năng lực tư duy, tìm tòi khám phá ra những vấn đề mới, nó giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của vấn đề một cách sâu sắc nhất, một người sinh viên tuy có đầy đủ mọi điều kiện để học tập (thầy giỏi, tài liệu hay...) vẫn không thể thành công được nếu như không tự mình đào sâu suy nghĩ.

b) Bản chất của việc tự học

Mỗi chúng ta đều nhận thấy rằng, bất cứ việc gì, dù lớn hay bé đều yêu cầu sự nỗ lực hết sức mình. Thực chất tự học là một quá trình học tập, một quá trình nhận thức không trực tiếp có thầy giáo, đó là một quá trình “lao động khoa học” vất vả hơn nhiều so với có thầy giáo hướng dẫn. Có thể nói quá trình tự học của sinh viên là một quá trình tự nỗ lực, quyết tâm, tích cực để đạt được mục tiêu học tập. Nếu thiếu sự nỗ lực thì sinh viên không thể đạt kết quả tốt, đây cũng chính là điều kiện để sinh viên nâng cao chất lượng học tập của bản thân và các trường đại học nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Nguyên tắc đảm bảo việc tự học có hiệu quả

Một vấn đề có tính khoa học bao giờ cũng được xây dựng trên những cơ sở và nguyên tắc nhất định, việc tự học muốn đạt hiệu quả cao cần tuân thủ những nguyên tắc sau:

1) Bảo đảm tính khoa học của quá trình tự học: Bản thân tự học là một quá trình lao động trí tuệ gian khổ, vì vậy càng đòi hỏi tính khoa học. Càng khoa học thì hiệu quả hoạt động tự học càng được nâng cao.

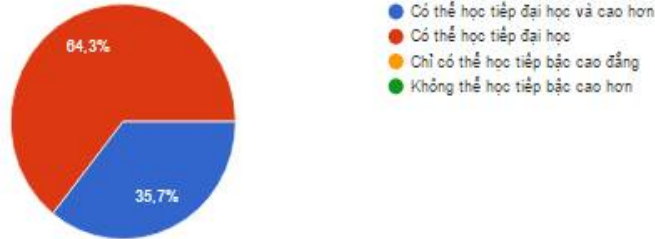
2) Bảo đảm “ học đi đôi với hành”: Đây là một cặp phạm trù có quan hệ biện chứng với nhau, tự học không chỉ củng cố kiến thức thông thường mà còn đưa kiến thức ấy vào thực tiễn, cọ xát với thực tế, rút ra những thiếu sót, sai lầm từ đó ngày càng nâng cao hiểu biết

3) Bảo đảm nâng cao dần đến mức độ tự giác cao, củng cố kỹ năng, kỹ xảo.

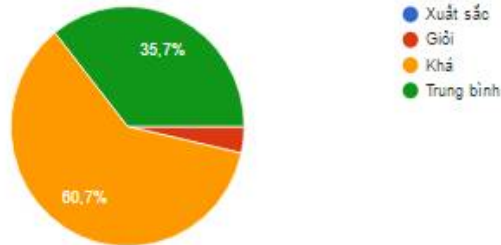
2.3. Kết quả điều tra hoạt động học tập sinh viên lớp 57 KHHH

Qua số liệu từ việc thống kê bảng câu hỏi của 28 sinh viên khoá 57 ngành KHHH đã rút ra được một số biện pháp nhằm phát huy tính tích cực trong hoạt động tự học của sinh viên, bên cạnh đó là những khó khăn mà phần đông sinh viên hay gặp phải và nhận thức của sinh viên về quá trình tự học như sau:

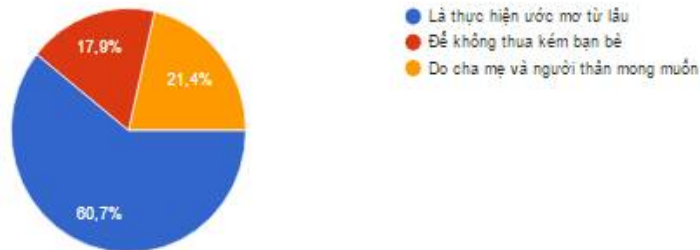
Câu 1. Hồi còn học lớp 12, bạn tự nhận thấy "sức" mình (28 câu trả lời)



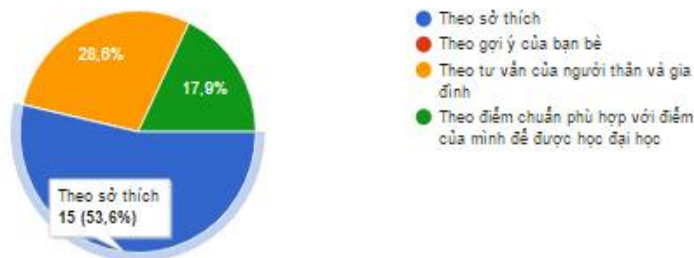
Câu 3. Kết quả học tập của bạn ở lớp 12 được đánh giá ở mức (28 câu trả lời)



Câu 2. Bạn học đại học (28 câu trả lời)



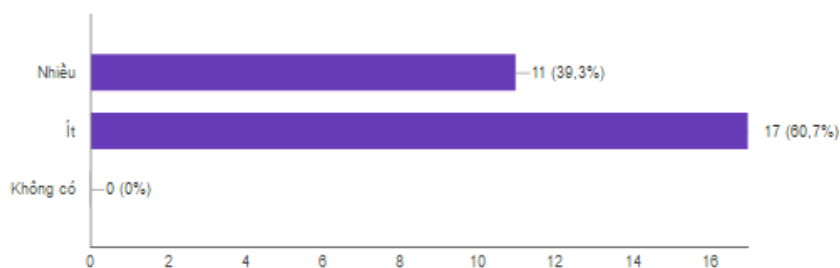
Câu 4. Bạn chọn ngành học đại học (28 câu trả lời)



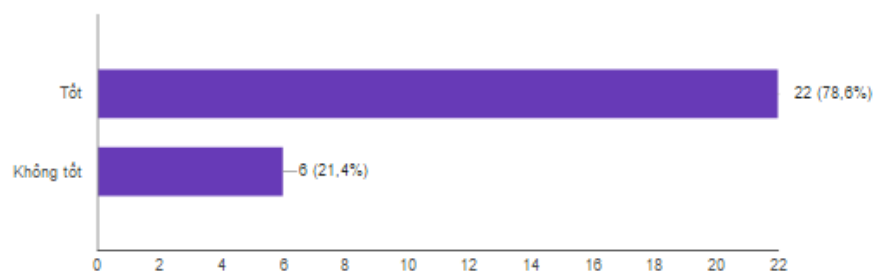
Câu 5. Bạn học đại học để có kiến thức và kỹ năng để (28 câu trả lời)



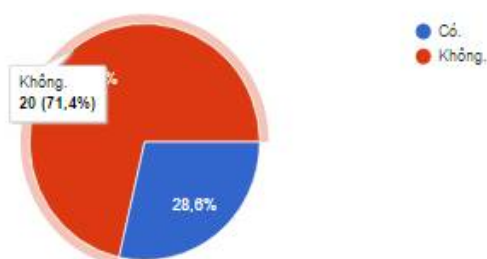
Câu 6. Bạn có nhiều thời gian rảnh rỗi dành cho việc tự học (28 câu trả lời)



Câu 7: Môi trường học tập của bạn có tốt không: (28 câu trả lời)

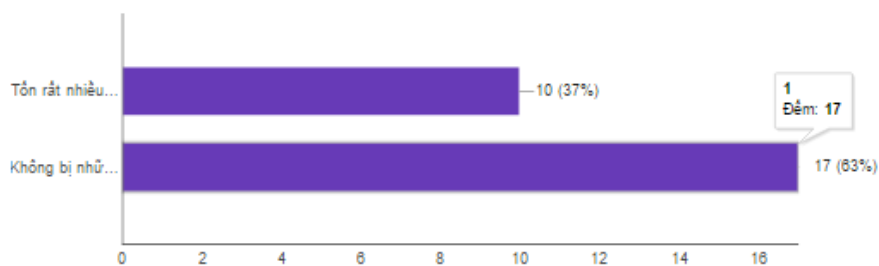


Câu 8: Bạn có gặp nhiều khó khăn trong việc tìm tài liệu không? (28 câu trả lời)

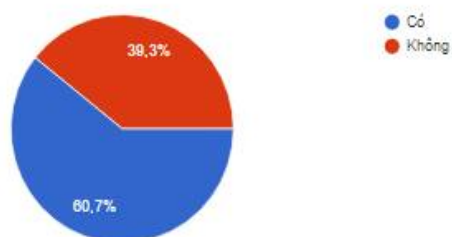


Câu 9. Máy vi tính, điện thoại, phim ảnh, game, các trang mạng xã hội như yahoo, face book,... có làm bạn mất nhiều thời gian của bạn?

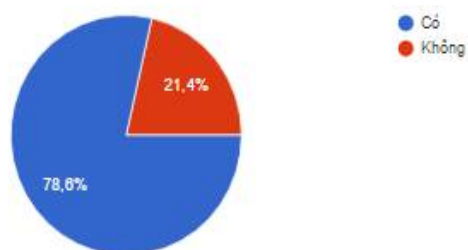
(27 câu trả lời)



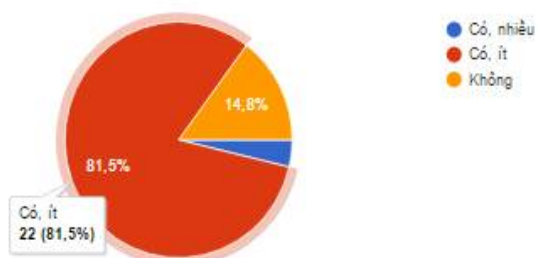
Câu 10. Bạn có hay mất tập trung khi học? (28 câu trả lời)



Câu 11. Học nhóm có hiệu quả không (28 câu trả lời)



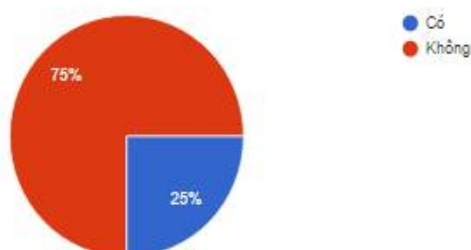
Câu 12. Bạn có đọc bài trước khi lên lớp không (27 câu trả lời)



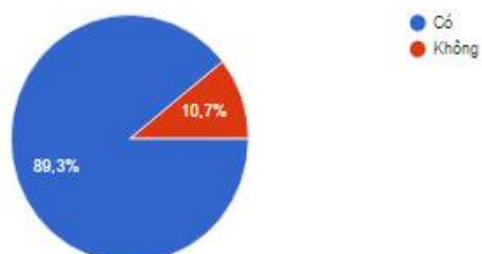
Câu 13. Việc trao đổi trên lớp với giảng viên có giúp bạn hiểu bài hơn? (27 câu trả lời)



Câu 14. Bạn có lên thư viện học và tìm kiếm tài liệu không (28 câu trả lời)

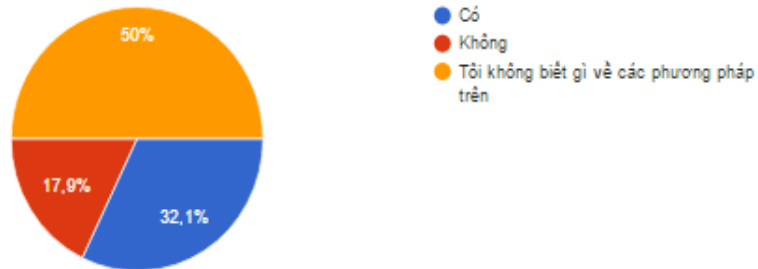


Câu 15. Bạn có ghi chép bài cẩn thận trên lớp không (28 câu trả lời)



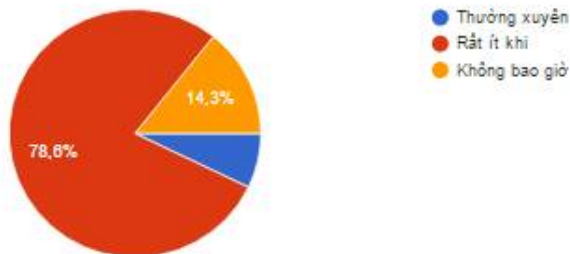
Câu 16. Bạn có biết các tài liệu về phương pháp học đại học (dùng sơ đồ tư duy, 5W1H, mind mapping, SQ3R, đọc nhanh, ghi nhận siêu tốc...) và thấy có hiệu quả

(28 câu trả lời)



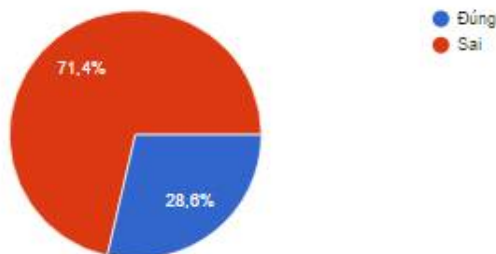
Câu 17. Bạn có trao đổi những vấn đề còn vướng mắc của môn học

(28 câu trả lời)



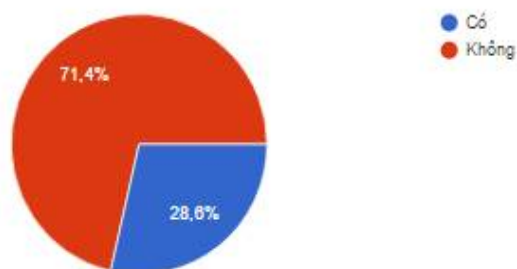
Câu 18. Bạn chỉ cần học cật lực trước kì thi thì có thể đạt kết quả cao

(28 câu trả lời)



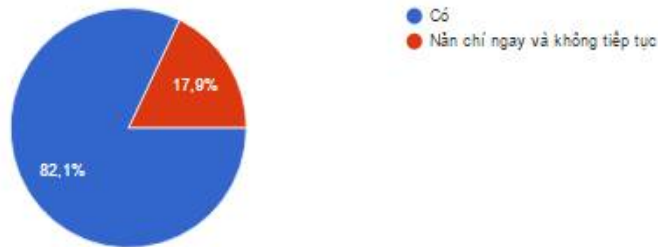
Câu 19. Đọc thêm nhiều sách tham khảo và nâng cao ngoài những tài liệu mà Thầy/Cô yêu cầu

(28 câu trả lời)

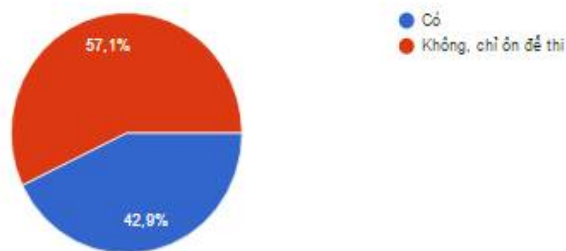


Câu 20. Khi gặp những vấn đề khó khăn trong việc học, bạn cố gắng tìm mọi cách để tự giải quyết vấn đề

(28 câu trả lời)

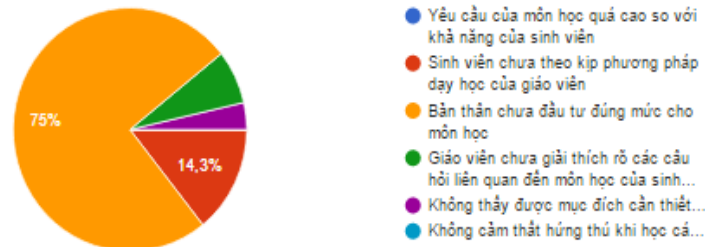


Câu 21. Bạn luôn cố gắng ôn lại những kiến thức đã học (28 câu trả lời)



22. Theo bạn nguyên nhân học tập không đạt kết quả tốt trong năm học vừa qua là do

(28 câu trả lời)



Câu 23. Những khó khăn bạn gặp phải khi học đại học? (21 câu trả lời)

- Tìm kiếm các dạng bài tập trên mạng và giáo trình, vì bài tập đa dạng nên việc kiếm và hướng làm bài tập gây khó khăn.
- Học buổi sáng rất khó để tới đúng giờ

Lượng kiến thức lớn và nhiều, chưa có những phương tiện lên mạng để tra cứu tài liệu tham khảo trên mạng.

Lượng kiến thức quá nhiều nên chưa tổng hợp được cái chính và cái cần thiết, ít thời gian để học ở nhà.

Chưa theo kịp cách dạy của giáo viên

Thời gian tự học ít, gặp phải nhiều vấn đề đặc biệt là kinh tế

Có ít thời gian để học và bài vở không đủ để xem vì ghi chép không đủ

Chưa có đầy đủ thiết bị học tập

Kinh tế, phải tự nuôi sống bản thân nên nhiều khi sao nhãng việc học

Học một mình, ít bạn bè trao đổi về việc học

Môi trường học tập ồn ào, hay mất tập trung khi học

Môi trường học ồn ào, khó tìm kiếm tài liệu, chưa quen môi trường đại học

Chưa học bài và không biết gì

Chưa thích nghi với môi trường và cách học ở trường

Xa nhà, nhớ nhà

Bị nhiều việc chi phối

Mất tập trung, nản chí khi gặp vấn đề khó khăn

Yếu tiếng Anh

Tiền số chúng chỉ tăng lên mỗi năm

Vấn đề về học phí, thiếu các thiết bị cần để dễ chăm học hơn

Kiến thức giải quyết quá nhiều

Có ít thời gian để học, một vài môn học khó kiếm tài liệu đọc thêm, giáo viên dạy hơi nhanh

Câu 24. Cách để tự học đạt hiệu quả cao nhất của bạn là ? (25 câu trả lời)

Làm Bài tập để chuẩn bị thi còn có cái ôn

Chú ý nghe thầy cô giảng để hiểu rồi về nhà làm và học ôn lại, rồi ứng dụng thực tế

Ôn kỹ những kiến thức đã học theo đề cương trước khi thi

Thường xuyên đọc thêm tài liệu

Tìm được cách giải quyết vấn đề đặt ra, ghi chép bằng sơ đồ

Tìm một nơi yên tĩnh để ngồi học

- Học nhóm
- Trao đổi với thầy cô bộ môn nhiều hơn

Trên lớp chỗ nào chưa hiểu, chưa nhớ đánh dấu về nhà học lại, coi bài trước khi lên lớp.

Học nhóm, thảo luận nhóm trao đổi với nhau.

Học nhóm và tự học

Tra cứu Google và hỏi bạn bè

Đọc nhanh, học nhóm và trao đổi với bạn bè, tra cứu thông tin trên mạng

Đọc nhanh, làm bài tập, kiểm tài liệu liên quan.

Hỏi bạn cái gì chưa biết

Hiểu bài trên lớp, chép bài đầy đủ
Tập trung làm bài tập các môn học có bài tập

Đọc tài liệu và nghiên cứu thêm bài học

Hiểu và làm được các vấn đề được giao về tự học

Học nhóm

Ôn lại bài khi đi học

Có đủ tài liệu và thiết bị để tự học

Học ở nơi yên tĩnh và học khi có đủ sự tập trung

Có thời gian, tìm kiếm tài liệu, đọc thêm sách

Ôn lại kiến thức vừa học, học hỏi qua bạn bè để tiếp thu đầy đủ hơn

Học từ bài giảng, tài liệu điện tử

Chăm học nghe giảng bài cẩn thận, làm bài đầy đủ, tìm hiểu thêm về tài liệu bên ngoài và của thầy cô

25. Bạn mong muốn được hỗ trợ những gì từ Thầy/Cô, Trường, Khoa, Đoàn, Hội để học tập tốt hơn?

(19 câu trả lời)

Thầy cô nên đưa ra phương pháp giảng dạy dễ hiểu về các môn máy móc khô khan hơn

Giảng dạy rõ những phần trọng điểm liên quan đến ngành nghề, lược bỏ phần không cần thiết để lười bị rối loạn về kiến thức.

Hỗ trợ thêm thời gian để dạy ngoài giờ để giải thích những kiến thức SV còn chưa rõ

Có nhiều thời gian trao đổi với cố vấn học tập để giải thích nêu rõ việc cần học của ngành

Không

Có thêm nhiều tài liệu để ghi chép vì chép bài trên lớp không bao giờ đủ. Mong được thầy cô gửi tài liệu thêm về bài giảng

Thầy cô giảng chậm lại và giải thích nhiều hơn

Hiện tại sức học của tôi chưa tốt là do bản thân chưa chăm chỉ, nên tôi sẽ cố gắng

Giao ít bài tập về nhà, thầy cô cùng tự giải trên lớp
Tổ chức các buổi sinh hoạt về phương pháp học tập trong môi trường Đại học
Muốn khoa mở các buổi giao lưu với các lớp kinh tế, du lịch trong trường...
Liên hệ với thực tế nhiều hơn tạo hứng thú khi học
Thầy cô giảng lý thuyết ít hơn, phân tích sâu hơn về vấn đề bài giảng trong thực tế.
Cần một os buổi xác định khả năng SV, ngoại khoá ngoài giờ
Dạy kĩ hơn các vấn đề mà thầy cô nghĩ là cần thiết cho ngành học của sinh viên đồng thời giảm nhẹ các môn không thuộc chuyên ngành của SV
Được học thực hành nhiều hơn ở các môn chuyên ngành để có thể dễ dàng nắm được các kiến thức
Sự nhiệt tình của thầy cô, quan tâm của Trường, Khoa, Đoàn, Hội.
Cần có phương pháp giúp hiểu và nhớ nhanh và lâu hơn
Phương pháp tích lũy kiến thức

a. Những thuận lợi và khó khăn sinh viên thường gặp trong quá trình tự học

- Đa số các bạn cho rằng: 100% mình có khả năng học đại học và cao hơn, thực hiện ước mơ của mình là 60,7%, kết quả học tập lớp 12 có 60,7% khá, 35,7% TB; 78,6% cho rằng học đại học để có kiến thức và kỹ năng tạo việc làm cho bản thân; có môi trường học tập tốt (78,8%)...

- Bị mất tập trung khi học (60.7% SV nói rằng mình hay mất tập trung khi học).
- Có ít thời gian dành cho việc tự học (60.7%).
- Rất ít khi đọc bài trước khi đến lớp 81,5%
- Không lên thư viện tìm kiếm tài liệu 75%
- Nhiều sinh viên không dùng hoặc không biết về các các phương pháp dùng sơ đồ tư duy, 5W1H, SQ3R, đọc nhanh, ... 67,9%
- Rất ít khi trao đổi những vấn đề còn vướng mắc của môn học chiếm 78,6%
- Đọc thêm nhiều sách tham khảo và nâng cao (71,4%)
- Luôn ôn lại kiến thức đã học, không để quên mất (57,1%)
- Nguyên nhân chính có kết quả thấp trong năm học trước là do bản thân chưa đầu tư đúng mức (75%) và 14,3% cho rằng chưa theo kịp phương pháp dạy học ở đại học

Và các khó khăn khác được liệt kê trong câu 23 ở trên

Vì vậy, có thể tạm kết luận là những phương tiện giải trí, việc tìm tài liệu và tư tưởng mất tập trung khi học là những yếu tố tác động lớn đến việc học tập của sinh

viên. Còn phần lớn các bạn đều có thể khắc phục được một số khó khăn khác làm ảnh hưởng đến việc học tập.

b. Các phương pháp tự học được đa số sinh viên cho là có hiệu quả:

Theo thống kê, phần lớn các sinh viên cho rằng những phương pháp sau đây giúp bản thân các bạn sinh viên đạt hiệu quả cao nhất trong việc tự học

- Học nhóm (78,6%)
- Trao đổi với giảng viên (96,3%)
- Ghi chép bài cẩn thận trên lớp (89,3%)
- Học ở nơi yên tĩnh (92%)
- Ghi chép bài cẩn thận (84%)
- Học cật lực trước khi thi có 71,4% không đồng ý
- Quyết tâm giải quyết bằng được mọi khó khăn trong việc học tập (82,1%)

Tuy không thống kê được trên một số lượng lớn sinh viên, nhưng số liệu trên đây cũng đem lại những hiểu biết cơ bản về những khó khăn, thuận lợi, nhận thức cũng như những phương pháp giúp sinh viên học tốt với hình thức học theo tín chỉ. Ngoài những câu hỏi mang tính thống kê sinh viên còn coc những ý kiến về việc tự học đạt kết quả cao như trình bày ở câu 24 và nhưng yêu vcaafu hỗ trợ từ thầy cô giáo ở câu 25.

III. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỰ HỌC CHO SINH VIÊN

- Việc tự học phải dựa trên một số nguyên tắc và quan trọng nhất là tinh thần tự giác và quyết tâm cao độ của mỗi sinh viên

- Các phương pháp tư duy hiệu quả đã được rất nhiều người trên thế giới áp dụng và đưa họ đến những đỉnh cao thành công như: Mind mapping (sơ đồ tư duy), 5W1H, phương pháp đọc nhanh, phương pháp SQ3R...cần được phổ biến hơn nữa tới nhiều sinh viên, tỉ lệ sinh viên nói rằng không hề biết về các phương pháp này vẫn chiếm một tỉ lệ tương đối thấp(~32%).

- Thư viện cần liên tục cập nhật và cung cấp thêm nhiều sách tham khảo cho sinh viên, tránh tình trạng thiếu sách, thậm chí không đủ giáo trình cho sinh viên mượn.

- Các phương pháp tự học nhiều người cho là hiệu quả như liên hệ lý thuyết và thực tiễn, tham khảo trên internet, trao đổi bài với thầy cô và bạn bè, đọc trước bài, ôn lại bài cũ, học nhóm...và trên hết là rèn luyện cho bản thân một tinh thần quyết tâm cao độ, sẵn sàng giải quyết và đương đầu với khó khăn, độc lập trong suy nghĩ là những yếu tố quan trọng nhất giúp sinh viên có được kết quả cao nhất.

IV. KẾT LUẬN

Từ những kết quả điều tra của mình, chúng tôi rút ra những kết luận sau:

Hiện nay, đào tạo theo tín chỉ yêu cầu người học phải có tính chủ động rất cao, không phụ thuộc nhiều vào giáo viên như trước đây. Người học phải biết cách tự sắp xếp lịch học, môn học sao cho phù hợp với bản thân bên cạnh đó cần phải có một phương pháp tự học đúng đắn và trên hết là một tinh thần tự giác cao độ, quyết tâm đạt được mục tiêu đề ra.

Qua khảo sát ý kiến của SV 57 KHHH, tác giả nhận thấy khó khăn, thuận lợi và nhận thức của sinh viên về việc tự học theo phương pháp đào tạo tín chỉ là khá nhiều. Những khó khăn chính là tìm tài liệu, tình trạng không tập trung khi học bài và ảnh hưởng của các phương tiện giải trí, internet....Tuy nhiên nghiên cứu cũng cho thấy đa phần các sinh viên có thể khắc phục tốt những khó khăn xung quanh việc tự học của bản thân để có thể hoàn thành chương trình học bằng những điểm số tích cực. Nhiều sinh viên có những biện pháp học tập rất hiệu quả, tùy từng sinh viên mà có các phương pháp học tập phù hợp với bản thân, với môi trường sống, với ngành học.

Tuy nhiên để đạt được hiệu quả cao nhất thì có một số phương pháp mới, ví dụ như: bản đồ tư duy-Mindmapping, 5W1H, phương pháp Ghi nhận siêu tốc, Phương pháp đọc hiệu quả, Phương pháp SQR3....được áp dụng ở rất nhiều nơi trên thế giới, đã được hàng trăm nghìn sinh viên chứng minh cho tính tích cực của nó bằng những thành tích đặc biệt nổi trội so với các bạn cùng trang lứa.

Việc tự học là một quá trình đòi hỏi sự kiên trì và nỗ lực to lớn của bản thân, không thể thành công ngay trong ngày một, ngày hai mà phụ thuộc rất lớn vào tinh thần tự giác, cố gắng vươn lên, nỗ lực chứng tỏ bản thân của mỗi sinh viên, đó mới là chìa khóa quan trọng nhất để mở cửa thành công cho thế hệ trẻ - thế hệ tương lai của dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thúy Vân, *Một số vấn đề trong việc hướng dẫn sinh viên tự học tự nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay* (Trường CĐSP Quảng Trị)
2. Đỗ Tiến Sĩ, *Sinh viên tự học và đổi mới phương pháp dạy học* – Báo GD&ĐT)
3. Phan Thị Lan Anh, *Phương pháp học tập đại học*.
4. Nguyễn Thị Hương Giang, *Tìm hiểu về phương thức đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ* – Đại học Hà Tĩnh.
5. Hoàng Văn Vân, *Phương thức đào tạo theo tín chỉ, bản chất, hàm ý cho việc dạy – học cho phương pháp đào tạo ở bậc đại học*, Đại học Quốc gia Hà Nội

PHỤ LỤC: PHIẾU ĐIỀU TRA HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP SV 57KHHH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

2 Nguyễn Đình Chiểu, Nha trang

ĐT: 058-831149, Fax: 058-831147, Website : www.ntu.edu.vn

PHIẾU KHẢO SÁT THÔNG TIN

Về tình hình học tập để hỗ trợ sinh viên học tốt ngành Khoa học hàng hải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Lớp: 57KHHH

Ngành học: Khoa học hàng hải

Khóa: 57

Số điện thoại:

Email:

B. TÌNH HÌNH HỌC TẬP VÀ Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN

1. Hồi còn học lớp 12, bạn tự nhận thấy “sức” mình

- Có thể học tiếp đại học và cao hơn
- Có thể học tiếp đại học
- Chỉ có thể học tiếp bậc cao đẳng
- Không thể học tiếp bậc cao hơn

2. Bạn học đại học

- Là thực hiện ước mơ từ lâu
- Để không thua kém bạn bè
- Do cha mẹ và người thân mong muốn

3. Kết quả học tập của bạn ở lớp 12 được đánh giá ở mức

- Xuất sắc
- Giỏi
- Khá
- Trung bình

4. Bạn chọn ngành học đại học

- Theo sở thích
- Theo gợi ý của bạn bè
- Theo tư vấn của người thân và gia đình
- Theo điểm chuẩn phù hợp với điểm thi của mình để được học đại học

5. Bạn học đại học để có kiến thức và kỹ năng để

- Làm công
- Kế tục nghề nghiệp của cha (mẹ)
- Tự tạo việc làm

6. Bạn có nhiều thời gian rảnh rỗi dành cho việc tự học

Nhiều Ít Không có

7. Môi trường học tập của bạn có tốt không

Tốt Không tốt

8. Bạn có gặp nhiều khó khăn trong việc tìm tài liệu không

Có. Không.

9. Máy vi tính, điện thoại, phim ảnh, game, các trang mạng xã hội như yahoo, face book,... có làm bạn mất nhiều thời gian của bạn

Tồn rất nhiều thời gian. Không bị những việc đó làm lơ là việc học tập.

10. Bạn có hay mất tập trung khi học

Có Không

11. Học nhóm có hiệu quả không

Có Không

12. Bạn có đọc bài trước khi lên lớp không

Có, nhiều Có, ít Không

13. Việc trao đổi trên lớp với giảng viên có giúp bạn hiểu bài hơn

Có không

14. Bạn có lên thư viện học và tìm kiếm tài liệu không

Có Không

15. Bạn có ghi chép bài cẩn thận trên lớp không

Có Không

16. Bạn có biết các tài liệu về phương pháp học đại học (dùng sơ đồ tư duy, mind mapping, SQ3R, đọc nhanh, ghi nhận siêu tốc...) và thấy có hiệu quả

Có Không Tôi không biết gì về các phương pháp trên

17. Bạn có trao đổi những vấn đề còn vướng mắc của môn học

Thường xuyên Rất ít khi Không bao giờ

18. Bạn chỉ cần học cật lực trước kì thi thì có thể đạt kết quả cao

Đúng Sai

19. Đọc thêm nhiều sách tham khảo và nâng cao ngoài những tài liệu mà Thầy/Cô yêu cầu

Có Không

20. Khi gặp những vấn đề khó khăn trong việc học, bạn cố gắng tìm mọi cách để tự giải quyết vấn đề

Có Nản chí ngay và không tiếp tục.

21. Bạn luôn cố gắng ôn lại những kiến thức đã học

Có Không, chỉ ôn đề thi.

22. Theo bạn nguyên nhân học tập không đạt kết quả tốt trong năm học vừa qua là do

- Yêu cầu của môn học quá cao so với khả năng của sinh viên
- Sinh viên chưa theo kịp phương pháp dạy học của giáo viên
- Bản thân chưa đầu tư đúng mức cho môn học
- Giáo viên chưa giải thích rõ các câu hỏi liên quan đến môn học của sinh viên
- Không thấy được mục đích cần thiết của môn học trong ngành học của mình
- Không cảm thấy hứng thú khi học các môn học của ngành học

23. Những khó khăn bạn gặp phải khi học đại học

.....
.....

24. Cách để tự học đạt hiệu quả cao nhất của bạn là

.....
.....

25. Bạn mong muốn được hỗ trợ những gì từ Thầy/Cô, Trường, Khoa, Đoàn, Hội để học tập tốt hơn

.....
.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của bạn!

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO – CÀN TẠO ĐỘNG LỰC VÀ TRUYỀN CẢM HỨNG CHO NGƯỜI HỌC

Nguyễn Đình Long – Bộ môn Động lực

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ góp phần đáng kể trong việc thực hiện sứ mạng của trường đại học và quyết định sự tồn tại và phát triển của trường đó. Chất lượng đào tạo có được từ sự nỗ lực của 3 nhân tố chính: nhà trường (chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và việc tổ chức dạy - học), đội ngũ nhà giáo và người học (năng lực học tập). Trong đó, người học được coi là trung tâm của quá trình dạy và học.

Các trường đại học nỗ lực để sản phẩm của mình đạt được chuẩn đầu ra đã công bố. Tuy nhiên, hiện nay tỷ lệ thất nghiệp trong sinh viên tốt nghiệp đại học khá cao (*Quý 1/2016 cả nước có 225.000 người có trình độ cử nhân, thạc sĩ thất nghiệp [1]*). Phải chăng chất lượng đào tạo còn thấp? Thêm vào đó, hàng năm số lượng sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ và bị buộc thôi học ở các trường đại học khá lớn. Phải chăng sinh viên ngày nay ít ham học? Số sinh viên bị buộc thôi học do không đủ sức học tập hay do “lười” học?

Ai cũng biết chất lượng đầu vào đóng vai trò quan trọng. Tham luận chỉ đề cập đến vấn đề thiếu tập trung học tập ở một bộ phận không nhỏ sinh viên và làm thế nào giúp họ tập trung học tập.

2. CƠ SỞ VÀ CÁCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Cơ sở của vấn đề

Vào đại học là ước mơ của biết bao học sinh phổ thông. Thế nhưng khi đã trở thành sinh viên thì không ít người trong số họ lại học hành sa sút. Bằng chứng là số lượng sinh viên bị buộc thôi học hàng năm ở các trường đại học khá lớn (*Năm 2013 trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh buộc thôi học đến hơn 500 sinh viên [2], Năm 2015 trường Đại học Tây Nguyên có 414 sinh viên bị buộc thôi học [3], Năm 2016 trường Đại học Nông lâm TP.HCM buộc thôi học 946 sinh viên [4], Năm 2016 trường Đại học Sư phạm TP.HCM có hơn 600 SV thuộc diện “buộc thôi học” [5]); số sinh viên học làng nhàng, có mặt “trên từng cây số” trong việc thi lại, học lại không phải là ít. Nhiều giảng viên cho rằng sinh viên chán học, lười học. Quả thật không sai. Vấn đề ở chỗ là cần tìm nguyên nhân dẫn đến tình trạng sinh viên chán học, lười học và giúp họ tập trung cho việc học.*

Các nguyên nhân của tình trạng trên có ở cả 2 nhóm: nguyên nhân chủ quan (Bản thân) và nguyên nhân khách quan (Gia đình, Nhà trường, Xã hội).

* Bản thân:

- Mục tiêu học tập không rõ ràng.
- Năng lực có hạn (Mất căn bản về kiến thức và tư duy).
- Không có phương pháp học tập phù hợp.
- Chưa loại bỏ được nếp học tập thụ động thời phổ thông.

- Chọn ngành nghề không được như mong muốn.
- Tâm lí chủ quan.
- Thiếu ý chí, nghị lực, quyết tâm.
- Chuyển từ môi trường bị quản lý (ở bậc phổ thông) sang môi trường tự do (tổ chức cuộc sống và học tập).
- Ảnh hưởng từ bạn bè, mãi mê lao vào những thú vui.
- Lười (lười học ngoại ngữ, lười đọc sách, lười suy nghĩ, lười tranh đấu, thờ ơ, vô cảm, đối phó).

Có thể nói: nhiều yếu tố không tích cực từ thời học phổ thông vẫn còn đeo đẳng theo đến bậc đại học.

Một khi kết quả học tập không đạt được như mong muốn khiến thiếu tự tin, dễ sinh chán nản, đặc biệt khi biết chắc không bao giờ đạt được mức đã định thì dễ buông xuôi, ...

* Gia đình

- Cha mẹ nuông chiều, bao bọc con quá kỹ, lo cho con đầy đủ mọi mặt.
- Không tập cho con tính tự lập, mọi thứ đều có cha mẹ lo nên xuất hiện tính ỷ lại.
- Không rèn luyện cho con lao động với ý nghĩ để con tập trung học tập (họ quên rằng lao động cũng là học tập).

* Nhà trường:

+ Nhà trường phổ thông (dạy và học theo “mẫu” cùng với tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan khiến người học không phải tư duy, làm thui chột sự sáng tạo, chỉ biết “chép” theo mẫu hoặc cái gì có thể; người học bị “nhào nặn” trong một khuôn khổ khiến họ bị “đơ”).

+ Nhà trường đại học (dạy và học với tinh thần người học chủ động trong điều kiện hạn hẹp về thời gian nhưng đòi hỏi tiếp nhận khối kiến thức lớn).

- Ít chú ý đến khâu quản lý sinh viên học tập khiến cho một số người những năm đầu không tập trung học tập (lao vào những thú vui) nên sa sút, mất căn bản và trượt dài.

- Chưa có biện pháp hiệu quả nhằm tạo động lực học tập và truyền cảm hứng cho sinh viên.

- Các hoạt động ngoại khóa giúp bổ túc kiến thức chưa được chú ý.

* Xã hội:

- Nhiều hình thức và phương tiện giải trí có sức lôi cuốn mạnh khiến dễ bị sa đà vào đó.
- Nhu cầu nhân lực của thị trường lao động không lớn, người học chưa thể nhìn thấy tương lai – tình trạng sinh viên ra trường thất nghiệp nhiều...

Trong 4 nhân tố trên, nhân tố bản thân người học đóng vai trò quyết định. Thật vậy, người học có kết quả học tập thấp do những nguyên nhân trên, nếu “ngộ” ra và được giúp đỡ để xác định được mục tiêu, có được động lực học tập, rèn ý chí và hạ quyết tâm thì có thể tạo được bước tiến trong học tập.

2. Cách giải quyết vấn đề

Theo đó, cần giúp sinh viên:

- Làm chủ bản thân.
- Xác định mục tiêu học tập rõ ràng.
- Tạo động lực, rèn ý chí, nghị lực, quyết tâm. Tự đấu tranh bản thân chống bệnh lười biếng.
- Lựa chọn phương pháp học tập phù hợp.
- Rèn phương pháp tư duy.
- Loại bỏ được nếp học tập thụ động thời phổ thông. Tích cực hóa mọi hoạt động.
- Bổ túc kiến thức qua những hoạt động chuyên môn như câu lạc bộ, ...

Giải pháp:

(1). Tạo động lực

+ Tổ chức giao lưu giữa sinh viên với cựu sinh viên thành đạt (đặc biệt là cựu sinh viên vượt khó trong học tập) để họ nhìn thấy tương lai phía trước.

+ Mời chuyên gia tâm lý, chuyên gia quản trị, ... ở các đơn vị/tổ chức sản xuất, kinh doanh tọa đàm cùng sinh viên.

+ Phối hợp cùng doanh nghiệp, doanh nhân tổ chức những hoạt động nhằm truyền lửa cho sinh viên.

(2). Bổ túc / mở rộng kiến thức

+ Đẩy mạnh hoạt động câu lạc bộ học tập (phát huy thế mạnh của diễn đàn).

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn ngoại khóa do cựu sinh viên báo cáo chuyên đề.

(3). Đồng hành cùng người học

+ Cải tiến công tác quản lý sinh viên theo hướng đồng hành giúp họ trong học tập và rèn luyện (cố vấn học tập thực sự là người trợ giúp học tập - đồng hành, đồng viên, ...).

+ Cùng cố hoạt động Đoàn, Hội hướng đến mục tiêu rèn đức, luyện tài (cùng cố đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội). Hình thành đôi bạn học tập, các nhóm học tập.

(4) Cải tạo môi trường học tập trong trường đảm bảo nề nếp (chú ý văn hóa học đường).

3. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, ta phải biết sinh viên cần gì, muốn gì, khả năng của họ đến đâu (ở mức nào) để có kế hoạch giúp họ hoàn thành chương trình khóa học. Với tình hình chất lượng đầu vào khiêm tốn, việc triển khai áp dụng các giải pháp hỗ trợ-thúc đẩy học tốt như đã đề cập theo tinh thần tạo động lực, truyền cảm hứng học tập cho người học, giúp họ bổ sung phần kiến thức bị “hổng” nâng cao dần năng lực học tập, tiến đến đảm bảo chất lượng đầu ra như đã công bố là hết sức cần thiết.

Thiết nghĩ, cần sự đồng lòng và chung tay của các Thầy Cô giáo và bộ phận quản lý.

Nhà trường nên nghiên cứu mở lớp tập huấn cho CBGD về kỹ năng tạo động lực, “truyền lửa”, “truyền cảm hứng” trong giảng dạy. Đồng thời cải tiến công tác quản lý sinh viên, củng cố hoạt động Đoàn & Hội, cải tạo môi trường học tập trong trường đảm bảo nề nếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 225.000 cử nhân, thạc sĩ thất nghiệp: Hệ quả của mở trường đại học ồ ạt

<http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/225000-cu-nhan-thac-si-that-nghiep-he-qua-cua-mo-truong-dai-hoc-o-at-20160531074206426.htm>

2. Buộc sinh viên thôi học, chuyện bình thường thôi

(<http://tuyensinhtoanquoc.com/tin-giao-duc/buoc-sinh-vien-thoi-hoc-chuyen-binh-thuong-thoi/>)

3. Vì sao hàng ngàn sinh viên ĐH Tây Nguyên bị buộc thôi học?

<http://www.24h.com.vn/giao-duc-du-hoc/vi-sao-hang-ngan-sinh-vien-dh-tay-nguyen-bi-buoc-thoi-hoc-c216a745825.html>

4/. Gần 1.000 sinh viên bị buộc thôi học: Sốc nhưng hợp lý

(http://congan.com.vn/tin-chinh/gan-1000-sinh-vien-bi-buoc-thoi-hoc-soc-nhung-hop-ly_21780.html)

5/. ĐH Sư phạm TP.HCM: hơn 600 SV thuộc diện “buộc thôi học”

<http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/20160408/dh-su-pham-tphcm-hon-600-sv-thuoc-dien-buoc-thoi-hoc/1080772.html>

GIẢI PHÁP HỖ TRỢ SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ HỌC TẬP CÓ HIỆU QUẢ

Huỳnh Trọng Chương – Bộ môn Kỹ thuật Ô tô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm nhất đại học rất quan trọng với sinh viên (SV) nói chung và SV ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô trường Đại học Nha Trang nói riêng, các em đến từ rất nhiều nơi xa đô thị, thời gian đầu của cuộc sống xa nhà, khi phải làm quen với môi trường mới, bạn bè mới, học cách chịu trách nhiệm với quyết định của mình, học cách sống tự lập, đối mặt với nỗi nhớ nhà, đôi khi cảm thấy căng thẳng, nếu biết cách vượt qua thì sẽ là kinh nghiệm tuyệt vời cho những năm học tiếp theo. Vì vậy, các em thường mong muốn được chia sẻ và Cố vấn học tập (CVHT) đóng vai trò quan trọng trong cách tiếp cận năm học đầu tiên bậc đại học cho các em, CVHT là một mắt xích không thể thiếu trong tiến trình giải quyết các vấn đề liên quan đến sinh viên, là người am hiểu quá trình đào tạo, nắm rõ các qui định của Khoa, của Nhà trường sẽ là người giúp đỡ các em rất nhiều từ lúc vào đại học đến khi tốt nghiệp. Ngoài ra, việc học của SV năm thứ nhất có hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào bản thân của các em.

Như vậy, trách nhiệm và nhiệm vụ của CVHT và SV năm nhất phải làm gì?

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Cố vấn học tập

CVHT giống như là một “chuyên gia tư vấn” về học tập và khẳng định rằng: CVHT sẽ là bạn đồng hành cùng SV trong suốt quá trình học tập. Bên cạnh đó CVHT còn hỗ trợ, giúp đỡ SV vượt qua những khó khăn trong cuộc sống SV. Những khó khăn của SV có thể về tài chính, tình cảm và các kỹ năng xử lý tình huống trong môi trường mới.

Với năm đầu tiên, các SV còn rất bỡ ngỡ với hình thức học tập khác hẳn với lúc còn học phổ thông, bạn bè mới, thầy cô mới.... Phần lớn các SV vẫn còn rụt rè, thụ động và chưa xác định rõ ràng phương hướng học tập. Đặc biệt là hoàn toàn xa lạ với cách thức học chế tín chỉ.

Các nhiệm vụ CVHT cần thực hiện:

a. Giới thiệu khung chương trình đào tạo: Đây là công việc quan trọng hàng đầu hướng dẫn cho SV tìm hiểu chương trình đào tạo của khoá - ngành và cách lựa chọn học phần. Kế hoạch thực hiện:

- Có thể giới thiệu kế hoạch học tập (KHHT) toàn khóa. Hướng dẫn cho SV về cách đăng ký học phần cho từng học kỳ, tư vấn cho SV nên chọn học phần tự chọn nào là phù hợp với chuyên ngành mà mình đang học.

- Phải chịu khó trong thời gian này để bám sát các SV trong khâu đăng ký học phần nhất là các SV đến từ các vùng nông thôn ít tiếp xúc với máy tính và internet.

Mặc dù, đã sinh hoạt rất kỹ về khung chương trình học và KHHT, nhưng trong thực tế, khi các SV trực tiếp đăng ký các học phần vẫn còn đăng ký chưa đúng. Do đó, nếu có bám sát kịp thời của CVHT thì sẽ giúp giải quyết nhiều vấn đề khó khăn cho các SV.

b. Thành lập ban cán sự (BCS) lớp

Để chọn ra BCS phần lớn có thể dựa vào kết quả thi tuyển sinh Đại học (ĐH) để chọn ra người có điểm cao vào BCS hoặc nhờ đến tập thể lớp chọn ra. Tuy nhiên, việc lựa chọn này có thể chọn ra một BCS chưa năng động, vì những SV được chọn chưa hẳn là đã yêu thích hay có kinh nghiệm trong công việc mới được giao, điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến các hoạt động phong trào của lớp sau này.

Vì vậy, thông báo chung cho cả lớp biết việc lựa chọn BCS và đề nghị các SV tự nguyện đăng ký khả năng có thể tham gia chức vụ nào trong BCS.

- Phổ biến chi tiết của công tác đánh giá điểm rèn luyện (ĐRL) ngay từ học kỳ đầu tiên, nhấn mạnh những ảnh hưởng của ĐRL đến kết quả học tập chung như thế nào, xét chọn học bổng ra sao.

- Nhờ hiểu rõ sự quan trọng của ĐRL mà SV tích cực tham gia các hoạt động, điều này đã góp phần giúp BCS lớp thuận lợi hơn trong việc phổ biến các phong trào chung của lớp và vận động SV tham gia.

c. Nắm rõ sơ yếu lý lịch của từng SV

Nắm rõ sơ yếu lý lịch của từng SV là điều rất quan trọng đối với CVHT. Tại sao?

Thông qua sơ yếu lý lịch để bước đầu có thể tìm hiểu và đánh giá sơ bộ nhân cách của các SV vì phần lớn mỗi một cách ứng xử của một người đều bắt nguồn từ hoàn cảnh ấu thời, môi trường sống, sẽ giúp cho CVHT linh hoạt hơn trong cách tiếp xúc với từng thành viên của lớp. Nắm rõ số điện thoại của phụ huynh SV nhờ đó mà sự tương tác giữa CVHT và gia đình cũng thuận tiện.

Một trong những ưu điểm khác của việc nắm rõ sơ yếu lý lịch của các SV là có thể phát hiện những trường hợp SV có hoàn cảnh khó khăn để tìm ra những biện pháp thích hợp kịp thời giúp đỡ các SV an tâm học tập, thí dụ như: Giúp các SV được ở ký túc xá của trường, giới thiệu các học bổng tài trợ hoặc vận động các Mạnh thường quân giúp đỡ.

d. Lắng nghe

Vai trò CVHT đối với SV còn rất xa lạ nên mặc dù có nhiều vấn đề thắc mắc trong các sinh hoạt của trường, lớp và thậm chí chưa có phương hướng rõ ràng cho ngành học của mình nhưng SV không biết hỏi ai?

Vì vậy, người CVHT phải thể hiện sự hòa nhã, thân thiện và trên hết là sự lắng nghe. Sự lắng nghe làm khoảng cách giữa thầy và trò ngày càng rút ngắn hơn và thậm chí nhờ chịu khó lắng nghe mà CVHT có thể giúp điều chỉnh lại những định hướng lệch lạc của SV trong học tập và đời sống.

e. Dự họp thường xuyên

BCS lớp dù có nhiệt tình nhưng vẫn chưa đủ sức lôi cuốn các SV cùng hợp tác tham gia các hoạt động; Nhưng CVHT có dự cuộc họp thì đều đạt chất lượng và sự hiện diện của CVHT cũng động viên tinh thần làm việc của BCS lớp rất lớn.

Ngoài ra, CVHT còn có những kinh nghiệm được rút ra từ các khóa SV đi trước về một số học phần cần được quan tâm mà các SV thường bị vướn lại.

2.2. Sinh viên

Dù có nhiều giải pháp tốt để hỗ trợ SV năm đầu tiên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô học tập có hiệu quả nhưng bản thân SV không tự rèn luyện thì cũng vô nghĩa. Vì vậy, SV phải có kế hoạch sau:

- a. Lập thời khóa biểu: Từ những buổi học bắt buộc, hãy lập ra một thời gian biểu: Học thư viện, tự nghiên cứu, chuẩn bị cho các bài kiểm tra, bài thi... cần phải biết vào thời điểm nào trong ngày, bạn làm việc có năng suất nhất.
- b. Đi học đúng giờ, không bỏ học, trốn tiết: Bởi vì sẽ rất dễ bị hỏng kiến thức, hay bỏ lỡ thông tin quan trọng giảng viên. Và nhận bài tập cho cả học kỳ rồi lưu vào bộ nhớ để không bị nộp bài sai hạn.
- c. Tìm địa điểm lý tưởng để học bài: có thể chọn học bài ở thư viện hoặc tại phòng ký túc xá hay thậm chí là ở một nơi yên tĩnh nhà thờ hoặc ngôi chùa... hãy học ở bất cứ đâu miễn là giúp mình tập trung học bài và tránh xa ồn ào.
- d. Cân bằng cuộc sống: Không nên học quá nhiều mà không có thời gian thư giãn, dễ bị stress. Nên tự tìm cho mình các hoạt động giúp thư giãn và giảm căng thẳng....
- e. Hãy tham gia một câu lạc bộ: sẽ làm quen với những người bạn mới, học những kỹ năng mới, cảm thấy kết nối hơn với trường học của bạn và quan trọng là việc tham gia câu lạc bộ sẽ giúp bạn vượt qua cảm giác cô đơn và nhớ nhà (một cảm xúc mà sinh viên năm nhất nào cũng trải qua).
- f. Hãy kết nối với các SV trong lớp học: Ở trường Đại học, phải làm việc theo nhóm, khi đã thân thiện và được mọi người quý mến thì việc làm việc nhóm cũng sẽ dễ dàng hơn.
- g. Đừng trì hoãn: Hãy tập thói quen làm bài tập ở nhà, đọc lại bài giảng, nếu giảng viên yêu cầu bạn thu thập tài liệu, ghi chép lại... thì đừng nghĩ: “còn thời gian nhiều mà...”. Tận dụng thời gian rảnh, làm việc sớm để nộp cho thầy cô đúng hạn.
- h. Dành nhiều thời gian ở trường và làm quen với bạn mới bạn sẽ thấy trường thân thuộc như nhà của bạn. Và đừng bỏ lỡ những sự kiện văn hóa giải trí diễn ra trong trường.
- i. Quản lý tiền của bạn. Bắt đầu cuộc sống Đại học, vấn đề chi tiêu của bạn vẫn do bố mẹ phụ cấp, tuy nhiên bạn sẽ thật sự làm chủ những khoản tiêu đấy. Vấn đề các sinh viên năm nhất thường gặp phải đó là chi tiêu không có kế hoạch dẫn đến việc cuối tháng “thiếu tiền”.

3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

CVHT và SV năm thứ nhất thực hiện được nhiệm vụ trên thì sinh viên năm nhất có thể vững chắc về niềm tin cho năm học đầu tiên ở đại học không bị hụt hẫng về tinh thần và kiến thức cũng được kết nối liên tục nhưng chỉ có phương pháp tiếp cận học đại học là khác.

Rất mong, đây là giải pháp có thể giúp cho CVHT cùng SV năm nhất vận dụng.

GIẢI PHÁP HỖ TRỢ SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT HỌC TẬP HIỆU QUẢ

Phùng Minh Lộc - Bộ môn Động lực

Sinh viên năm thứ nhất chuyển môi trường học tập ở trường phổ thông sang đại học có rất nhiều bỡ ngỡ.

Tham luận này phản ánh một số kết quả khảo sát hoạt động học tập sinh viên khóa 57 của khoa Kỹ thuật Giao thông trường Đại học Nha Trang, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp hỗ trợ sinh viên năm thứ nhất học tập có hiệu quả.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Trạng thái tâm lý của sinh viên năm thứ nhất

Sau 12 năm “dùi mài kinh sử” ở trường phổ thông với sự giám sát tương đối chặt chẽ của gia đình và thầy/ cô giáo, nay thoát khỏi vòng kiểm tỏa, tuy không tránh khỏi chống chọi nhưng dễ rơi vào trạng thái tự do thái quá, mất tự chủ.

Thứ nữa, dù gì thì được vào đại học cũng là niềm tự hào của bản thân và gia đình, cảm giác này ai đã trải qua sẽ thấy có sự tự thỏa mãn nhất định, dẫn đến sự “nhắm nháp” thành quả, lơ là thực hiện các nghĩa vụ của sinh viên mới.

Ngoài ra, mọi thứ ở môi trường đại học đều lạ lẫm khiến các em không dễ thích nghi ngay, và do đó chưa thể chuyên tâm học tập.

1.2. Bỡ ngỡ với cách dạy - học ở đại học

Kết quả khảo sát cho thấy có một số điểm đáng lưu ý khiến sinh viên (SV) năm thứ nhất có kết quả học tập kém tới 80%:

(1) Khối lượng kiến thức “ồ ạt” làm cho SV với trạng thái tâm lý chưa được chuẩn bị như đã nêu ở trên không phản ứng kịp. Cộng thêm, một số môn học khó và lạ với tư duy học trò, dồn các em đến tình trạng “treo máy”

(2) Phương thức truyền đạt và học tập ở đại học cơ bản khác phổ thông là khó khăn đáng kể cho sự tiếp thu của SV năm thứ nhất, có thể so sánh sơ bộ như Bảng 1:

Bảng 1: So sánh phương thức truyền đạt và học tập

Tiêu chí so sánh	Phổ thông	Đại học
Cách truyền đạt	Diễn giảng, một chiều	Nêu vấn đề, tương tác
Lượng kiến thức	Vừa đủ	Lớn
Tài liệu	Ít và được chỉ định rõ	Nhiều và từ nhiều nguồn
Cách tiếp thu	Ghi chép chi tiết, thụ động	Chủ động nắm vấn đề
Cách đánh giá	Kiểm tra sự thuộc bài	Kiểm tra kết quả giải quyết vấn đề
Thông báo kết quả học tập	Thường xuyên, trực tiếp	Không thường xuyên, thường là gián tiếp qua mạng

Như vậy, để hỗ trợ SV năm thứ nhất học tập hiệu quả cần nhiều giải pháp đồng thời, cần huy động cả bộ máy của trường. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập chủ yếu đến cách thức tổ chức dạy và học

2. NỘI DUNG

2.1. Thời lượng và lựa chọn các học phần, giảng viên học kỳ 1

- Về thời lượng, không bố trí quá 17 tín chỉ
- Lựa chọn các học phần:
 - + Có tính chuyên tiếp từ phổ thông, ví dụ: Toán, tiếng Anh;
 - + Không quá khó và trừu tượng, thiết thực để SV làm quen với môi trường đại học, ví dụ: Tin học cơ sở, Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm;
 - + Nhất thiết phải có học phần “Nhập môn ngành..”, trong đó có nội dung huấn luyện phương pháp học đại học ở đầu học kỳ. Buổi huấn luyện này rất nên mời giảng viên dạy HK1 tham gia.
- Về giảng viên: Bố trí các giảng viên tận tâm, giàu kinh nghiệm

2.2. Huấn luyện phương pháp học đại học

Như đã trình bày, học đại học khác hẳn phổ thông ở chỗ người học phải chủ động giải quyết vấn đề, kỹ năng này không thể có nếu không tổ chức huấn luyện chu đáo. Với kinh nghiệm của mình, tác giả đề xuất giải pháp sau:

Bước 1: Giới thiệu học phần/ chương, mục/ bài học/ vấn đề:

- Hết sức lưu ý hướng dẫn SV tiếp cận, nắm chắc: Khái niệm (định nghĩa), phân loại kèm theo các ví dụ sinh động. Đa số SV xem nhẹ vấn đề này, dẫn đến mơ hồ về bản chất vấn đề, tất yếu lạc vào rừng kiến thức không có lối ra. Sự kém hứng thú, chán học là không tránh khỏi.
- Giới thiệu tính cần thiết của vấn đề, vị trí của nó trong chương trình đào tạo, nên dẫn đến mục tiêu cụ thể đạt được phục vụ cho công việc của kỹ sư sau này, giúp chuẩn bị tốt tâm lý cho SV

Bước 2: Tổng quan tài liệu về vấn đề được giao

Đây là công đoạn then chốt giúp người học tiếp thu và mở rộng vấn đề, tạo nền tảng vững chắc về kiến thức và niềm hứng thú học tập. Nó đòi hỏi sự tận tâm, kiên trì và cả “dũng cảm” của giảng viên, vì SV nói chung và năm thứ nhất nói riêng khá thụ động, lúng túng trong việc này.

Giảng viên hướng dẫn SV theo trình tự:

- (1) Nhắc lại khái niệm, mục tiêu của vấn đề để tìm “từ khóa” phù hợp, ví dụ: vấn đề *Phương pháp và thiết bị kiểm tra* sẽ có từ khóa là *Phương pháp, thiết bị, kiểm tra*
- (2) Từ nhóm từ khóa tiến hành tra cứu tài liệu có liên quan ở các nguồn: Sách giáo khoa (SGK), bài báo, website...trong đó lưu ý, SGK là tài liệu chuẩn được kiểm duyệt nhưng nhìn chung ít tính thời sự

- (3) Sẽ nảy sinh hiện tượng danh sách tài liệu tra cứu được quá nhiều, lúc đó cần hướng dẫn SV rút gọn bằng tổ hợp từ khóa sát vấn đề hơn, như: *Phương pháp kiểm tra, Thiết bị kiểm tra (gắn thêm tên đối tượng)*
- (4) Hướng dẫn SV cách đọc nhanh tài liệu: Đọc trước phần **Tóm tắt** (thường khoảng 10 dòng với các bài báo), nếu thấy có liên quan thì mới đọc đến **Mục lục** và lập thành Bảng 2:

Bảng 2: Liệt kê tài liệu

TT	Tên tài liệu	Tên tác giả/yếu tố xuất bản (Nhà xuất bản/năm, Website)	Nội dung liên quan (từ trang...đến trang)

Chú ý:

Trong trường hợp, không tìm được hoặc bị tính phí, Bộ môn quản lý ngành có thể đề nghị Thư viện Trường hỗ trợ theo Bảng 2

Bước 3: Lập bảng nội dung thực hiện

Từ kết quả Tổng quan tài liệu ở Bảng 2, giảng viên hướng dẫn SV lập bảng Nội dung và tiến độ giải quyết vấn đề (theo Đề cương chi tiết học phần) như Bảng 3:

Bảng 3: Nội dung, tiến độ và kết quả thực hiện

TT	Nội dung	Tiến độ	Kết quả (Tóm tắt, kèm trích dẫn tài liệu)
1			
1.1			
1.2			
1.3			
2			
3			

Bước 4: Thảo luận kết quả và đánh giá

Giảng viên đạo diễn thảo luận và công khai đánh giá kết quả của SV hoặc nhóm SV

3. KẾT LUẬN

Nếu SV hoàn thành các bước kể trên thì có thể đảm bảo rằng, kiến thức sẽ là kiến thực của SV, họ được rèn luyện tư duy logic, kỹ năng nêu và giải quyết vấn đề, kết quả là tự tin và hứng khởi hơn trong học tập. Khả năng đạt yêu cầu trở lên khi kết thúc học phần nằm trong tầm tay.

Đây là hành trang tốt trong quá trình học tập, thực hiện chuyên đề / đề tài tốt nghiệp cũng như phục vụ công tác chuyên môn khi ra trường.

GIẢI PHÁP TẠO ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CHO SINH VIÊN NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY THÔNG QUA CÂU LẠC BỘ TIN HỌC

Huỳnh Lê Hồng Thái - Bộ môn Kỹ thuật tàu thủy

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xuất phát từ thực tế hiện nay một bộ phận lớn sinh viên có kết quả học tập yếu kém do một số nguyên nhân như sinh viên ngày càng thụ động, chưa đầu tư thời gian vào việc học tập và nghiên cứu, chưa có định hướng học tập hiệu quả, khối lượng kiến thức tương đối nhiều trong khi điểm đầu vào của sinh viên thấp. Mặt khác một số học phần cung cấp lý thuyết nhiều và triển khai áp dụng vào thực tế còn hạn chế nên chưa kích thích sinh viên học tập đã dẫn đến kết quả sinh viên học tập yếu kém rất nhiều. Chính vì vậy để tạo động lực cho sinh viên học tập hiệu quả và ứng dụng tin học để giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành thì việc mời các em sinh viên tham gia vào các câu lạc bộ (CLB) chuyên ngành nói chung và câu lạc bộ tin học nói riêng là điều cần thiết nhằm tạo thêm hứng thú và định hướng nghề nghiệp trong tương lai cho các em sinh viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan về CLB tin học

Câu lạc bộ tin học được triển khai mạnh và sâu rộng vào năm 2014, nơi đây là nơi tập trung dành cho các sinh viên có đam mê về tin học và là nơi để các sinh viên trao đổi chuyên môn, ứng dụng tin học để giải quyết các vấn đề về chuyên ngành như tính toán tính năng tàu thủy, tính ổn định, kết cấu tàu thủy, mô phỏng tàu thủy,.. Ngoài các vấn đề về chuyên môn ứng dụng tin học trong chuyên ngành, CLB còn là nơi để sinh viên học tập trao đổi kiến thức về các học phần khác hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành. CLB cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động đi tham quan thực tế và tham gia thực hành thiết kế tàu tại các nhà máy đóng tàu trên địa bàn Khánh Hòa.

2.2. Thực tế triển khai tại Bộ môn Kỹ thuật tàu thủy

Trong hai năm hoạt động đến nay CLB đã dần đi vào nề nếp và có nhiều hoạt động thiết thực gắn liền với các hoạt động dạy học của các học phần trọng tâm trong ngành kỹ thuật tàu thủy như lý thuyết tàu thủy, kết cấu tàu thủy, sức bền thân tàu, thiết kế tàu thủy đặc biệt là các đồ án kết cấu sức bền tàu, đồ án thiết kế tàu,..

Tùy theo đặc thù của từng học phần mà CLB tổ chức các hoạt động phù hợp với học phần tương ứng ví dụ như:

Đối với học phần Lý thuyết tàu thủy, CLB sẽ tổ chức hướng dẫn các sinh viên ứng dụng tin học để giải quyết các vấn đề như xây dựng tuyến hình 2D bằng Autocad, xây dựng tuyến hình 3D bằng phần mềm Rhino. Đây là một hoạt động được sinh viên rất quan tâm và có hứng thú trao đổi. Từ bản vẽ 2D các em đã thực hiện thành tàu với mô hình 3D trực quan đã giúp các em quan sát và hiểu sâu hơn về đường hình tàu thủy. Bên cạnh đó để các em hiểu hơn về tính toán tính năng tàu thủy cụ thể là tính nổi và tính ổn định thì song song với việc học của sinh viên CLB đã tổ chức tìm hiểu các phần mềm đơn giản như Freeship, Delftship. Việc ứng dụng các phần mềm này sẽ giúp sinh viên kiểm tra được kết quả tính toán bằng tay ở học phần

này và là cơ hội để sinh viên tiếp cận trực quan hơn về các công cụ hỗ trợ trong việc tính toán tính nổi và tính ổn định tàu.

Đối với học phần kết cấu-sức bền và đồ án, CLB đã tổ chức các em tham quan các mô hình tàu thủy hoặc kết hợp tham quan thực tế tại các nhà máy đóng trên địa bàn như hình 1.



Hình 1. Các thành viên thảo luận chuyên môn ngay tại phòng trưng bày mô hình

Đặc biệt CLB sẽ tổ chức giới thiệu các phần mềm phổ biến được dùng trong tính toán thiết kế kết cấu và sức bền tàu như Shipconstructure, Autoship, Maxsurf, Rhino 3D,.. Các thành viên thường xây dựng các chi tiết kết cấu tàu thủy 3D bằng phần mềm Shipconstructure & Rhino 3D hoặc tính độ bền chung của tàu thông qua phần mềm Maxsurf. Thông qua hoạt động này sinh viên buộc phải đầu tư thời gian và công sức vào để giải quyết đồ án sau đó triển khai đồ án môn học trên các phần mềm này nhằm kiểm tra và quan sát được kết quả trực quan hơn. Một số giải pháp cho từng học phần chuyên ngành được thực hiện như sau:

Đối với học phần thiết kế tàu thủy, CLB tổ chức cho các sinh viên thực hành thiết kế một tàu cụ thể bằng phần mềm rồi so với kết quả tính toán bằng tay. Thiết kế tuyến hình bằng Rhino 3D hoặc Autoship sau đó tính toán tính năng tàu bằng phần mềm Maxsurf, một số bảng tính được thực hiện bằng Excel. Cuối cùng sinh viên hoàn tất các thuyết minh tính toán. Học phần này là tổng hợp các kiến thức đã học nên khi ứng dụng tin học thì sinh viên rất thích thú và luôn luôn tìm hiểu chuyên môn để áp dụng vào phần mềm.

Đối với các hoạt động tham quan, thiết kế tàu thủy thực tế thì CLB cũng lựa chọn các sinh viên có kiến thức tốt và biết về tin học được cùng tham gia như hình 2.



Hình 2. Sinh viên tham gia đo đạc số liệu đường hình tàu tại cơ sở sản xuất

Các hoạt động này giúp sinh viên tiếp cận được với thực tế sản xuất và có khả năng đo đạt dữ liệu tàu thủy sau đó sẽ mô phỏng và tính toán tính năng tàu thủy dựa vào các phần mềm trên.

3. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

Từ những hoạt động trên, tổng kết hai năm thực hiện cho thấy CLB đã hoạt động tốt và là cầu nối giữa giảng viên và sinh viên là địa chỉ để hỗ trợ về kiến thức chuyên ngành cũng như kiến thức tin học cho sinh viên. Thông qua CLB sinh viên có thêm nhiều kiến thức về tin học cũng như về chuyên môn. Tuy nhiên CLB cũng gặp nhiều khó khăn, cũng như thuận lợi như:

Số lượng sinh viên tham gia CLB ít, nhiều sinh viên chưa quan tâm đến CLB dẫn đến tính đại diện chưa cao và các sinh viên này vẫn còn hạn chế về kiến thức chuyên ngành.

Ngược lại các thành viên tích cực trong CLB đều là những sinh viên có thành tích học tập tốt, tính tự giác học tập cao vì vậy thông qua CLB các em đã phát triển kiến thức chuyên ngành rất tốt hình thành các kỹ năng công việc rõ ràng.

Qua khảo sát cho thấy tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của các sinh viên tham gia và không tham gia vào CLB tin học là rất khác biệt. Các em sinh viên tham gia CLB có kiến thức chuyên môn tốt, kỹ năng công việc tốt hơn nên đã có nhiều cơ hội công việc và mức lương khởi điểm cao hơn.

Như vậy, thông qua CLB các sinh viên đã thấy được các công việc cụ thể sẽ làm trong tương lai một cách rõ ràng, các nội dung sinh hoạt của CLB luôn bám sát với các học phần chuyên môn cũng như thực tế nên đã tạo được động lực cho sinh viên tham gia. Chính vì vậy một trong những giải pháp tốt để tạo động lực cho sinh viên là tham gia vào các CLB chuyên ngành nói chung và CLB tin học nói riêng để phát triển chuyên môn cũng như khả năng ứng dụng tin học chuyên ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết hoạt động CLB tin học năm 2015
2. Phiếu điều tra hoạt động của các CLB – Phòng ĐBCLTT

MONG MUỐN CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THEO THÁP NHU CẦU CỦA MASLOW, THÔNG QUA KHẢO SÁT SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

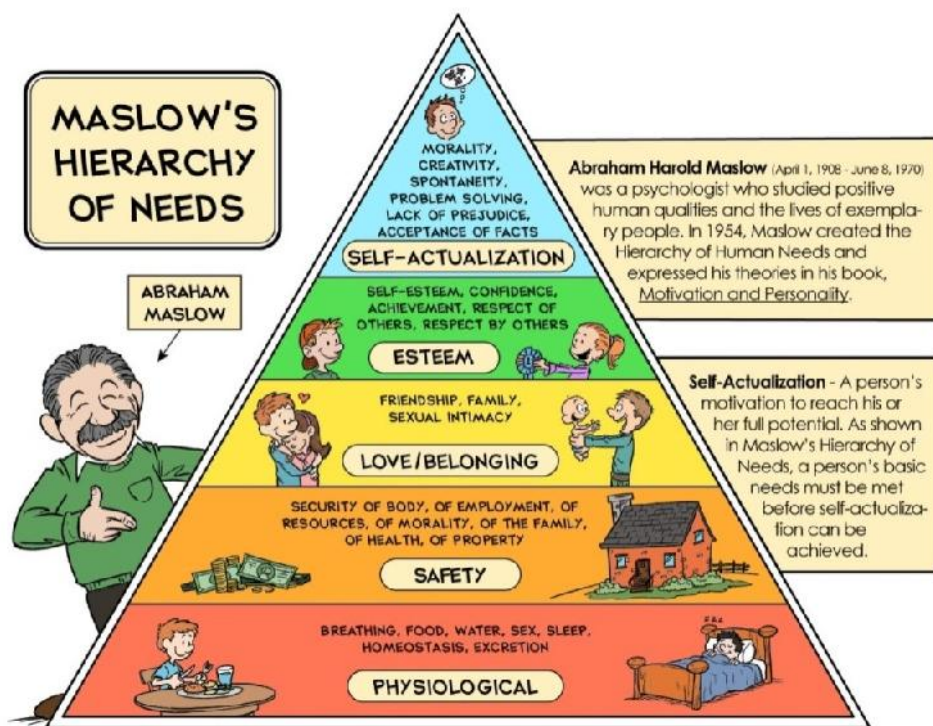
Nguyễn Thanh Tuấn - BM Kỹ thuật Ô tô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tháp nhu cầu của Maslow

Năm 1943, nhà tâm lý học Abraham Maslow (1908-1970) đã phát triển thang nhu cầu Maslow. Đây là lý thuyết về tâm lý được xem là có giá trị nhất trong hệ thống lý thuyết tâm lý mà tầm ảnh hưởng của nó được thừa nhận và ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống. Nó được chia làm 5 bậc:

- Nhu cầu sinh lý
- Nhu cầu về an toàn
- Nhu cầu về xã hội
- Nhu cầu được quý trọng
- Nhu cầu được thể hiện mình



Hình: Tháp nhu cầu của Maslow

Tháp nhu cầu Maslow để biết được thực sự nhu cầu của con người là gì và ứng dụng trong dạy học ra sao. Căn cứ vào hoạt động giảng dạy tại Trường Đại học có thể chia bậc nhu cầu của sinh viên tương tháp nhu cầu của Maslow như sau:

Bảng: Liên hệ tháp nhu cầu Maslow và ứng dụng trong giảng dạy

Cấp độ	Tháp nhu cầu Maslow	Ứng dụng trong giảng dạy
5	Nhu cầu tự khẳng định	Được giáo viên lắng nghe ý kiến của người học, lấy người học làm trung tâm
4	Nhu cầu được tôn trọng	Được tôn trọng, được đánh giá, thừa nhận
3	Nhu cầu xã hội	Được giao lưu, ngoại khóa, thực tập
2	Nhu cầu an toàn	Trang thiết bị dạy học đảm bảo
1	Nhu cầu sinh lý	Được cung cấp đầy đủ mục tiêu khóa học, tài liệu, công cụ học tập

Cấp độ 1: Quan trọng nhất là luôn luôn đề ra mục tiêu cho khóa học, bài học để tạo động lực nhu cầu cho học sinh. Thứ hai, để khuyến khích học tập của học sinh, có thể đưa ra các phần thưởng vật chất khuyến khích. VD: Sinh viên làm bài đúng nhất, nhanh nhất, nhiều nhất... sẽ được thưởng phần quà, để sinh viên có động lực tham gia vào khóa học. Thêm nữa, chú ý miễn giảm học phí cho sinh viên nghèo, chỉ khi nào yên tâm về mặt tài chính thì sinh viên mới có tinh thần thoải mái trong học tập.

Cấp độ 2: Trang thiết bị dạy học đảm bảo, học trong môi trường an toàn (được bảo vệ và che chở) => Giáo viên cam đoan những hoạt động hỗ trợ đối với sinh viên và thực hiện chúng. VD: Đáp ứng mọi nhu cầu hỏi bài của sinh viên, đưa ra cam kết về sự tương tác và thực hiện chúng nghiêm túc. Giáo viên có uy tín, khóa học có mục tiêu, có lộ trình rõ ràng cũng nằm trong cấp độ này.

Cấp độ 3: Học trong sự hợp tác, vui vẻ, được giao lưu, học tập ngoại khóa, thực tập: Giáo viên có thể cho sinh viên tham gia học theo nhóm, hoặc đơn giản là cho sinh viên tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến, dân chủ trong khóa học, cách giảng bài, sinh hoạt ngoài giờ, thực tập, kiến tập tại cơ sở...

Cấp độ 4: Nhu cầu được tôn trọng, được đánh giá, thừa nhận => Giáo viên có những hình thức tổ chức thi đua, ghi nhận sự tiến bộ, giải thưởng của sinh viên trong lớp; bảng thành tích thi đua đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong phần này.

Cấp độ 5: Người học là trung tâm, giảng viên lắng nghe ý kiến của sinh viên, giảng dạy các chủ đề theo sự đặt hàng của sinh viên và đòi hỏi của thực tế lao động, lựa chọn giảng viên phù hợp để giảng dạy cho mình.

1.2. Ý nghĩa của việc khảo sát

Giảng viên là người tác động đến sinh viên không chỉ qua những kiến thức truyền đạt mà còn qua đạo đức lối sống, tình yêu đối với nghề và sinh viên. Để được là tấm gương sáng cho sinh viên noi theo người giảng viên cần có những hành vi, cử chỉ đúng đắn, lối sống lành mạnh, văn minh. Ngoài ra giảng viên cần có tinh thần nghĩa vụ, tinh thần nhân đạo, lòng tôn trọng con người, thái độ công bằng, tính ngay thẳng, giản dị, khiêm tốn; tính nguyên tắc, tính kiên nhẫn, tính tự kiểm chế, biết chiến thắng thói hư tật xấu; kỹ năng điều khiển tình cảm, tâm trạng của bản thân cho phù hợp với tình huống sư phạm.

Bên cạnh truyền đạt kiến thức, có phẩm chất đạo đức tốt người giảng viên cần có lượng kiến thức sâu rộng để đáp ứng nhu cầu sinh viên qua việc học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu khoa học để trao dồi kiến thức cho bản thân.

Trên thực tế, không phải giảng viên nào cũng thập toàn thập mỹ, mỗi người đều có ưu nhược điểm riêng của mình. Mà nhu cầu mong muốn của sinh viên đối với giảng viên thì mỗi người mỗi khác, có người sẽ mong có một giảng viên đầy đủ phẩm chất đạo đức tốt nhưng năng lực thì không cần quá giỏi, có người thì ngược lại,...Theo đó, nếu giảng viên có quyền đánh giá sinh viên, có quyền đánh trượt sinh viên khi họ không thực hiện được các yêu cầu của việc học tập, thì sinh viên cũng có quyền phán xét nhân cách, đạo đức và năng lực của giảng viên.

Liên hệ với thang nhu cầu của Maslow và ứng dụng thang nhu cầu này trong hoạt động giảng dạy, chúng ta thấy cấp độ nào cũng có vai trò của người thầy trong đó. Từ những đồ hỏi tối thiểu cho tới mức cao nhất có thể là tự đánh giá giảng viên, yêu cầu giảng viên giảng dạy theo ý muốn của sinh viên, ...

Chính vì vậy, tôi mạnh dạn thực hiện công việc “khảo sát sự mong muốn của sinh viên đối với giảng viên” để có thể hiểu hơn nhu cầu mong muốn của sinh viên, điều gì là quan trọng và không quan trọng để từ đó có thể đưa ra các biện pháp, các hướng giải quyết đối với giảng viên nhằm giúp người giảng viên có thể hiểu được mong muốn của sinh viên và hoàn thiện bản thân mình hơn nữa theo mong muốn của sinh. Khi thỏa mãn được nhu cầu của mình, lúc đó sinh viên sẽ có thể tiếp thu bài tốt hơn và cũng hiểu giảng viên của mình hơn.

Các câu hỏi khảo sát tập trung nhiều vào người dạy nên bước đầu việc khảo sát và thiết kế câu hỏi khảo sát chưa thể đáp ứng với yêu cầu của nội dung bài viết. Chính vì vậy chưa phân định rõ ràng mức độ đòi hỏi của người học theo tháp nhu cầu ứng với hoạt động giảng dạy nêu trên.

2. NỘI DUNG KHẢO SÁT

2.1. Mẫu khảo sát

Mẫu khảo sát là đối tượng sinh viên và cựu sinh viên ngành ô tô đã và đang theo học. Trong đó tập trung chính vào đối tượng sinh viên khóa 55, 56 chuẩn bị tốt nghiệp và các sinh viên mới tốt nghiệp. Số lượng sinh viên, cựu sinh viên tham gia theo mẫu thu được là 120 phiếu. Hình thức khảo sát trực tuyến, giáo viên gửi bộ câu hỏi tới từng “group” nhóm lớp trên trang facebook.

2.2. Bộ câu hỏi khảo sát

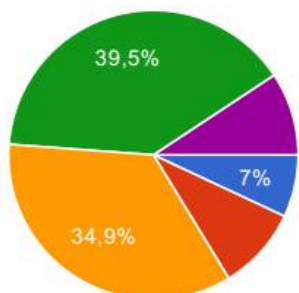
Bộ câu hỏi khảo sát được thiết kế theo những nội dung giảng dạy, vai trò người thầy thực hiện nhiệm vụ giảng dạy với được chia làm 5 nhóm với 21 câu hỏi và đáp án trả lời được chia làm 5 cấp độ: Hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến, đồng ý, hoàn toàn đồng ý. Nội dung 5 mục chính khảo sát về các vấn đề sau:

- Nội dung giảng dạy
- Phương pháp giảng dạy
- Hình thức tổ chức giảng dạy
- Kiểm tra đánh giá sinh viên
- Nhân cách, năng lực của giảng viên

2.3. Lựa chọn một số kết quả khảo sát tiêu biểu

Nội dung lấy trong sách, giáo trình

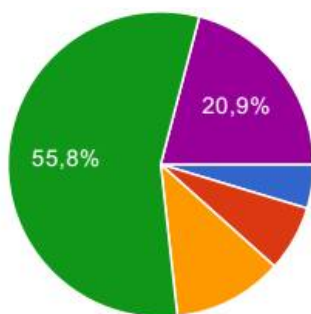
Đối với vấn đề giảng viên chỉ giảng dạy trong sách giáo khoa hay giáo trình thì hầu như sinh viên chỉ mong muốn (39,5%) chứ không rất mong muốn (9,3%). Điều này chỉ có thể đáp ứng được nhu cầu của sinh viên ở mức độ nào đó chứ không hoàn toàn thỏa mãn sinh viên nếu giảng viên chỉ dạy trong sách giáo trình.



Hoàn toàn không mong muốn	3	7%
Không mong muốn	4	9.3%
Không ý kiến	15	34.9%
Mong muốn	17	39.5%
Rất mong muốn	4	9.3%

Nội dung giảng dạy vừa sức

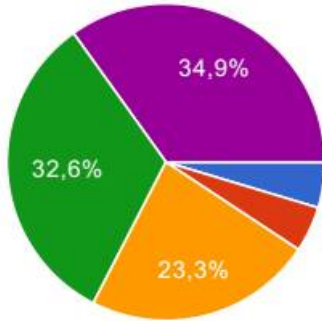
Hầu hết các sinh viên đều mong muốn (55,8%) và rất mong muốn (20,9%) giảng viên đưa ra những bài giảng vừa sức với khả năng của mình, điều này cho thấy sinh viên không mong muốn tìm tòi những kiến thức ngoài tầm của mình. Trong một tập thể trình độ cá nhân là rất khác nhau nên những sinh viên có kiến thức cơ bản hoặc tầm trung vẫn thường mong giảng viên đưa ra nội dung giảng vừa sức để có thể nắm bắt kịp với sinh viên có kiến thức nâng cao.



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	3	7%
Không ý kiến	5	11.6%
Mong muốn	24	55.8%
Rất mong muốn	9	20.9%

Nội dung mang tính chất gợi mở để sinh viên tự nghiên cứu

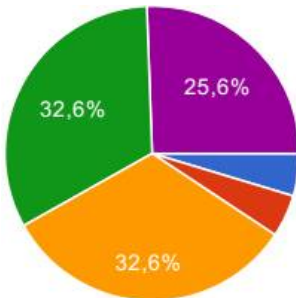
Sinh viên rất mong muốn (34,9%) giảng viên có thể gợi mở nội dung để bản thân có thể phát huy được hết khả năng tự tìm tòi, nghiên cứu của mình. Chỉ khi thực sự va chạm vào vấn đề sinh viên mới có thể nghiên cứu tìm tòi thật rõ vấn đề đó, hạn chế được cách học thuộc lòng rồi sau kiểm tra sẽ mang trả toàn bộ kiến thức cho giảng viên. Khi có được đề tài tự nghiên cứu tự mỗi sinh viên sẽ trải nghiệm giữa học và hành từ đó kiến thức sẽ in sâu vào quá trình học.



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	2	4.7%
Không ý kiến	10	23.3%
Mong muốn	14	32.6%
Rất mong muốn	15	34.9%

Giảng viên giảng dạy theo lịch trình, không cắt giảm tiết học

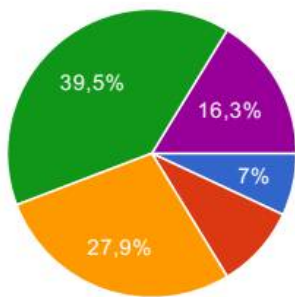
Chiếm 32,6% sinh viên không có ý kiến gì trong việc giờ giấc giảng dạy của giảng viên, điều này cho thấy đa số sinh viên chưa thật sự quan tâm đến thời gian học của mình, chưa thật sự hiểu được quyền lợi của mình trong việc giảng viên phải lên lớp đúng giờ và đúng số tiết giảng.



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	2	4.7%
Không ý kiến	14	32.6%
Mong muốn	14	32.6%
Rất mong muốn	11	25.6%

Cho bài tập lớn, sinh viên báo cáo theo tiểu luận hoặc đề án

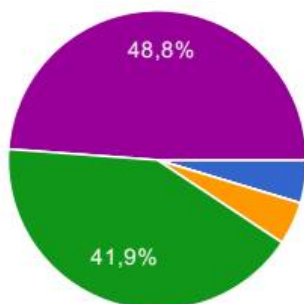
Phần lớn sinh viên mong muốn (39,5%) được làm bài tập lớn, viết báo cáo chứ chưa thật sự rất mong muốn (16,3%), bên cạnh đó một phần lớn không có ý kiến (27,9%) và không mong muốn (9,3%) cho thấy được sinh viên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc làm bài tập lớn và báo cáo.



Hoàn toàn không mong muốn	3	7%
Không mong muốn	4	9.3%
Không ý kiến	12	27.9%
Mong muốn	17	39.5%
Rất mong muốn	7	16.3%

Tổ chức hội thảo với người giỏi chuyên ngành để trao đổi và học hỏi kinh nghiệm

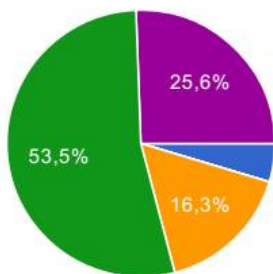
48,8% sinh viên rất mong muốn, 41,9% sinh viên mong muốn được tổ chức hội thảo với người giỏi chuyên ngành để trao đổi và học hỏi kinh nghiệm cho thấy sinh viên ham học hỏi, muốn được tiếp nhận nhiều hơn những kiến thức chỉ có trong sách vở, bên cạnh đó hội thảo cũng làm mọi người xích lại gần nhau hơn. Với 4,7% sinh viên không có ý kiến và 4,7% hoàn toàn không mong muốn chỉ chiếm một số nhỏ.



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	0	0%
Không ý kiến	2	4.7%
Mong muốn	18	41.9%
Rất mong muốn	21	48.8%

Giảng dạy kết hợp với làm việc nhóm, thuyết trình

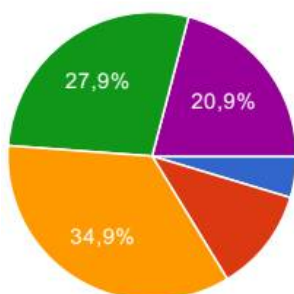
53,5% sinh viên mong muốn và 25,6% sinh viên rất mong muốn được việc vừa học kết hợp với việc làm nhóm, thuyết trình. Với 16,3% sinh viên không có ý kiến và 4,7% hoàn toàn không mong muốn. Hầu như sinh viên đều ủng hộ hình thức trên vì đây cũng là một dạng kỹ năng mềm mà sinh viên nhất định sẽ trải qua khi bước vào môi trường làm việc nên các bạn nhận thức được và muốn thực hành hình thức này ngay từ khi còn là sinh viên.



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	0	0%
Không ý kiến	7	16.3%
Mong muốn	23	53.5%
Rất mong muốn	11	25.6%

Giảng dạy trên lớp kết hợp với giảng dạy online

36% sinh viên mong muốn và 20% sinh viên rất mong muốn việc giảng dạy kết hợp với dạy online. Một số lớn 31% cũng không có ý kiến với vấn đề đó. Và với 6% không mong muốn và 7% hoàn toàn không mong muốn. Điều này cho thấy việc giảng dạy online vẫn còn chút bỡ ngỡ đối với sinh viên. Vì vẫn có những sinh viên phải lo cho hoàn cảnh sống nên việc giảng dạy online đòi hỏi trang thiết bị hiện đại cá nhân thật sự là vấn đề khó khăn.

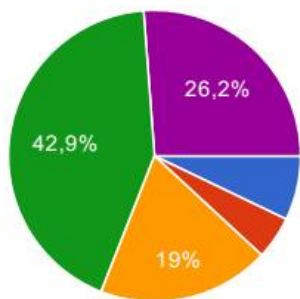


Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	5	11.6%
Không ý kiến	15	34.9%
Mong muốn	12	27.9%
Rất mong muốn	9	20.9%

Giảng viên kết hợp điểm thi và điểm quá trình

42,9% sinh viên mong muốn và 26,2% sinh viên rất mong muốn giảng viên kết hợp điểm thi & điểm quá trình. Với 19% sinh viên không có ý kiến, 4,8% không mong muốn và 7,1% hoàn toàn không mong muốn. Điều này cho thấy tính tự giác của sinh viên khá cao khi

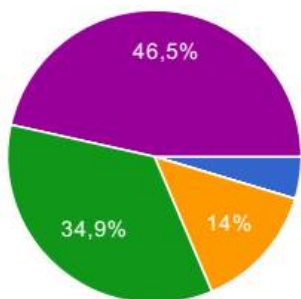
các bạn đa phần mong muốn được đánh giá qua sự kết hợp xuyên suốt quá trình học tập chứ không phải chỉ dựa vào bài thi về sức học cuối kì.



Hoàn toàn không mong muốn	3	7.1%
Không mong muốn	2	4.8%
Không ý kiến	8	19%
Mong muốn	18	42.9%

Giảng viên có thái độ tôn trọng và cư xử đúng mực với sinh viên

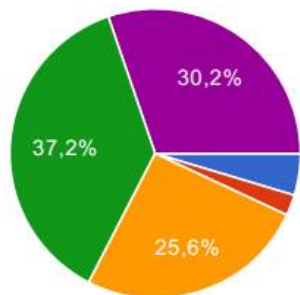
Đa số sinh viên đều mong muốn được học tập trong môi trường với những giảng viên đúng mực trong ứng xử và thái độ tôn trọng sinh viên, với 46,5% sinh viên rất mong muốn và 34,9% mong muốn điều này cho thấy nhân cách của giảng viên là yếu tố rất quan trọng trong nhận thức của đa số sinh viên.



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	0	0%
Không ý kiến	6	14%
Mong muốn	15	34.9%
Rất mong muốn	20	46.5%

Giảng viên thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo

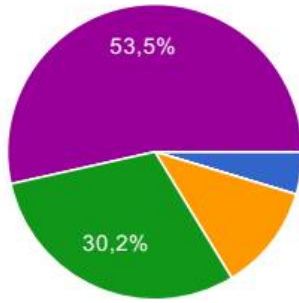
Tương tự như thái độ và ứng xử của giảng viên, tác phong và tính chuẩn mực của người thầy luôn được sinh viên quan tâm và mong muốn được giảng dạy với giảng viên có tính chuẩn mực cao thông qua số khảo sát là 67,4%



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	1	2.3%
Không ý kiến	11	25.6%
Mong muốn	16	37.2%
Rất mong muốn	13	30.2%

Giảng viên có vốn tri thức và tầm hiểu biết rộng ở lĩnh vực chuyên môn

Với 53,5% sinh viên rất mong muốn, 30,2% mong muốn giảng viên có vốn tri thức và tầm hiểu biết rộng ở lĩnh vực chuyên môn cho thấy giảng viên thật sự cần phải trao dồi kiến thức để đáp ứng nhu cầu học hỏi của sinh viên. Số ít 4,7% không có ý kiến, 4,7% hoàn toàn không mong muốn.



Hoàn toàn không mong muốn	2	4.7%
Không mong muốn	0	0%
Không ý kiến	5	11.6%
Mong muốn	13	30.2%
Rất mong muốn	23	53.5%

3. KẾT LUẬN

Qua bài khảo sát ta thấy không chỉ có giảng viên mới có quyền đòi hỏi, yêu cầu sinh viên mà sinh viên cũng có những yêu cầu, mong muốn của mình đối với giảng viên. Hầu hết các nội dung trong phiếu khảo sát thì sinh viên đều rất mong muốn và mong muốn giảng viên có thể thực hiện được những việc đó. Bên cạnh đó, một số câu hỏi mà phần lớn sinh viên không có ý kiến như giảng viên dạy theo lịch trình (không cắt giảm tiết học), giảng dạy kết hợp với dạy online. Như vậy cho thấy những hình thức bên ngoài sinh viên không quan tâm mà chú trọng vào những điều giảng viên thật sự làm được cho sinh viên.

4. HẠN CHẾ

Căn cứ theo thang nhu cầu của Maslow nhưng những bộ câu hỏi thiết kế trong mục khảo thực sự chưa được rõ ràng và chưa chủ động sắp xếp theo thang đòi hỏi nhu cầu của người học. Chính vì vậy việc khảo sát chỉ mang tính gợi mở để làm căn cứ cho các nghiên cứu tỉ mỉ và chi tiết trong việc tiếp nhận ý kiến người học nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học trong giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Thanh Hằng ĐH FPT: Duy trì lực học tập cho sinh viên: phần thưởng và cơ chế của não bộ. Lược dịch và tổng hợp từ: Jensen, E. (2008). *Teaching with the brain in mind*
2. Trường Đại học Huế: Phiếu khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy
3. Pai Obanya, Juma Shabani, Peter Okebukola (2003) Guide to Teaching and Learning in Higher Education. <http://www.breda-guide.tripod.com>